

TRİ TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35\$00 — 6 tháng 18\$00 — 3 tháng 9\$00

MỤC LỤC

- * Hội-họa với nhà-dồng Hòa-Bằng
- * Tày hùng Nhật-Nham — Đông-hồ — Thanh-Thiên
- * Việt nam văn học sử (I) Nguyễn-văn-Tổ
- * Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam (III) Đào-trọng-Đủ
- * Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXXI) Ứng-Hòa
- * Từ mệnh-tính của Phan-lương-Khê
đến thần-chủ của Bùi-hữu-Nghĩa (I) Lê-thọ-Xuân
- * Hai tháng ở Gò Óc-Ee (IV) Biệt-lam Trần-huy-Bá
- * Đại Nam đại sự (LIII) Nguyễn-văn-Tổ
- * Một cuộc săn hàng lậu Bản dịch Nguyễn-huyền-Tĩnh
- * Những ông Nghè triều Lê (CIII) Ứng-Hòa
- * Áo tư (tiểu thuyết XXII) Nguyễn huy-Tướng

0\$70

Nhi-dồng Việt-nam ở thế-hệ này

Kội-họa với nhi-dồng

HOA-BÀNG

Ngày xưa, sách học hầu hết không có tranh vẽ. Trừ ra một số tiểu thuyết thạch-bản Tàu hoặc một vài cuốn sách in như bộ *Thi kinh đại toàn* do nhà Kim-ngọc lâu (Gàu) tàng bản là có một mục « đồ », trong có những hình vẽ khá: gỗ và in một bản như mũ-mào, áo, xiêm, đồ đeo, đồ dùng, đồ ăn, nhạc, xe pháo, binh-khí, v.v. Nhưng bộ *Thi* ấy không phải nhà nào, nay xưa cũng có, mà bộ « sinh » ra đến trạc 16, 18 tuổi mới học tới. Cho nên hàng trẻ xưa có lẽ suốt thời-kỳ nhi-dồng không được thấy qua một bản sách có tranh ảnh gì cả. Vả thoát mới vỡ lòng, đã phải « nhai-nhải » học ngay những chữ trừu tượng, thì có cần gì phải nhìn xét những vật hữu hình!

Còn một cổ hủ xưa xưa khoa-học chưa phổ thông, máy móc chưa nhập cảng, nghề in, nghề chế giấy đều làm bằng thủ thuật cả. Vì thế, trẻ con không có cái may-máy như ngày nay có nhiều sách in hoạt bản và tranh ảnh để học, để chơi.

Từ khi xoay theo tân học, nhi-dồng mới được làm quen với những sách in có tranh vẽ những sự vật hữu hình để cho dễ hiểu những tiếng cụ-thể ở ngay trong bài học.

Nói đến hội-họa trong phạm vi nhi-dồng-học Việt-nam hiện đại,

ta phải kể tới *hộp chữ a, b, c...* của nhà Mai-Linh và *Sách dạy vẽ* của họa sĩ Nguyễn Văn-Thuần.

Cứ như ông Mai-Linh nói chuyện với tôi, thì cái *hộp chữ* cho trẻ chơi đó là do ông tự nghĩ chế ra (1). Nguyên, một hôm, ông Mai-Linh thấy mấy trẻ em tìm kiếm trong tờ giấy chữ, chọn lấy những mảnh giấy có tranh vẽ như những tờ lịch cũ chẳng hạn, rồi bày la-liệt ra trước mặt để chơi với nhau. Một ý nghĩ vụt nảy trong trí ông: Bây giờ ta sao không nhân ngay cái tình ưa thích tranh vẽ mà làm một *bộ chữ a, b, c...* cho trẻ con chơi — mà dụng ý của ông chỉ cốt cho trẻ con chơi thôi, chứ không chú tâm làm cho trẻ học. Ông lại nhớ ra rằng, trước đây, nhà Học-cửnh đã làm một cuốn văn quốc ngữ với tranh vẽ như « a : quả na ; e : quả me ; ê : con dê ; ơ : cái mo... » hình như cũng đã gây được cái tình ham thích của trẻ vừa học vừa chơi rồi đó.

Thế rồi *hộp chữ a, b, c...* của nhà Mai-Linh ra đời (năm 1937). Tất cả 27 « quân chữ » : nền in « ly-tô » (litô) có tranh vẽ những hình cái khăn, cây đu, cái bàn, v. v., chữ in mực đen, gồm có những vần chữ cái và các con số từ 9 đến 10. Mỗi « quân chữ » đều có hai mặt : chẳng hạn mặt

trên in chữ A, vẽ cái áo, mặt dưới in chữ F, vẽ cái liềm...

Tôi đã thí-nghệm, cho một trẻ em chơi những « quân chữ » này.

Khi bắt đầu chơi *quân chữ a, b, c...* ấy, em, đó mới được hai tuổi bảy tháng và 5 ngày. Bắt gờ là ngày 18 tháng chạp 1939. Sau đó ba hôm, tức ngày 21 tháng chạp ấy, em đó đã biết được đến 17 bức vẽ trên mặt « quân chữ » rồi. Đại-đề hỏi : « A gì », thì em đó nói : « A... cái áo » ; hỏi « U gì » thì đáp : « U... đánh đu », v. v. Đến ngày 26 tháng hai 1940, em đó thấy hai chữ « TIN MỚI » in làm lá nhào một tờ báo thì đọc là : « T cái tay ; T đi học » ; đến chữ N thì đọc lầm làm M nên đọc : « M cái ngựa » ; đến chữ M lại lầm làm N nên đọc : « N cái nôi ; N cây cờ ; N đi học ». Thế là một trẻ mới hơn hai tuổi chơi « quân chữ » được hơn 2 tháng đã nhận được gần đúng hai chữ là nhận một tờ báo (trừ lầm 2 chữ M với N).

Qua ngày 29 tháng hai 1940, em đó đã thuộc được nhiều chữ cái, khi thấy ở trên mặt báo. Ví dụ thấy chữ HAIPHONG thì đọc là : « H con hổ ; A cái áo ; I đi học ; P cái pháo ; H con hổ ; O quả nho ; N cái nôi ; G-a-ga-huyền-gà. »

Đến khi em đó lên ba thì đã biết được hết các chữ cái.

Như vậy ta nhận thấy rằng nhờ hội họa gây được hứng thú, trẻ em rất dễ nhận biết những chữ cái « a, b, c... ». Về sau, đến tuổi đi học, dạy trẻ tập đánh vần, tập đọc quốc - ngữ, tưởng cũng không tốn công mấy.

Bản tính trẻ con thường - thường thích vẽ. Ngày xưa nước ta sở dĩ kém cỏi về mặt hội họa mỹ thuật có lẽ vì ta không biết nâng đỡ những thiên tài chớm nảy và không có phương pháp để dắt dẫn cho trẻ đi theo đường ấy ngay từ khi còn bé.

Để có tờ giấy trắng, các cụ thường dành-dùm cái đi dè dùng vào việc người lớn chứ trẻ xưa không mấy khi được quyền « sử-dụng » một tờ giấy đồ vẽ chơi. Vì thế, dầu có khuynh hướng và sở-trường về hội họa, nhi đồng xưa cũng không bởi đâu mà phát triển được hết sở-năng.

Còn nhớ : một nhà họa sĩ Tàu, trước kia, qua chơi Hà-vội, đến thuyết về hội họa, có thuật lại mẩu chuyện từ bé của ông ta. Không thích học, chỉ thích vẽ ; kể vớ được mảnh giấy nào thì vẽ tí vẽ tí... Mỗi khi thấy cha bỏ ngổ ngán bàn, thì liền lấy giấy của cha ra vẽ đầu phải cha đánh mắng thế nào cũng không chừa. Hết giấy, vẽ

Tùy hứng

BIỆT - LY

Đất bằng bằng nời cơn giông-tổ,
Ngàn Bắc gây nên cuộc bể dâu !...
Đắc năng núi gò, ơn chưa báo.
Tình thâm phu tử, nghĩa còn sâu !
Đổi đường cách-biệt, đổi hàng lệ !
Chín chữ cà-lao, chín khúc sầu !
Nóng nôi này chẳng cha có thấu ?
Tội mù dưới Suối biết tìm đâu ? !...

NHẬT NHAM

Trịnh - như - Tấu

(20 Décembre 1944)

ĐÊM LIÊU TRAI

I

... Tắm tác nhâm giữa ngà

Cánh mộng, từ nay, thôi khép lại
Đêm đêm, bút mực bạn ai đây !
Thời-gian dằng-dặc dài : Thương nhớ
Vũ trụ mệnh-mông vắng : Hoạ-đầy.
Còn nhớ đêm nào đương thuở ấy
Ngàn thông nghe tiếng, gió lung lay.
Tơ trắng mảnh vương sau rèm lá
Tag mới cầm tay, dây dầm say.
Ngỡ-ngơ như quên từ kiếp trước,
Ai-đan bừng cảm phút giây này.
Lòng hoa ngậm kín hồn trinh trắng,
He-hé mùa Yêu ngọt mái tây.
Một phút cảm thông tình vạn thuở.
Song hồ còn vương gió trắng đầy.
Qua rồi, lạnh lẽo lòng chấn gối !
Chờ đợi, dila kiu thàng với ngày !
Đã thấy lóng lóng niềm giận dị.
Hồn tan theo nước, Ý theo mây.

ĐÔNG-HO ngâm-thảo

ĐÔNG VỀ

Chợt thấy đông về tưởng nhớ ai,
Nhớ ời lặn dần bốn phương trời
Gió tuyết sương băng không ngại bước,
Cánh trơ lá rụng vẫn tươi cười.
Đông này dù rét hơn đông trước,
Nhưng lửa lòng bằng đốt chi trai.
Riêng ta vui thú đời êm ấm,
Tránh nghĩ người xa lòng cảm hoá !

THANH-THIỆN

lên bàn, vẽ lên tường, không bỏ sót một dịp nào không vẽ. Về sau, cái khiếu hội-họa ấy cứ được phát triển đến nơi đến chốn, nên ông ta được trở nên một nhà họa sĩ như ngày nay. Rồi ông ta không quên khuyên những người làm cha mẹ : hủ ông bà nào có con thích vẽ thì cứ nân đỡ cho con được tự do đi theo con đường hợp với sở thí củ, sở trường của nó.

Khốn nỗi, làm trẻ muốn học theo cá môn nó thích, nhưng phương pháp không biết, kẻ mẫn không sẵn, thì lập cập mò mẫm mò mẫm, tưởng tốn công nhều mà thu hiệu ít !

Làm một việc dễ hồ vào chỗ khuyết ấy, ông Nguyễn Văn Thuận có Sách dạy vẽ, dựa theo trình độ tâm nhi đồng, đánh số từ 1, 2, 3, 4, 5, v. v., từ dễ đến khó, chia làm ba loại : tuyến họa (dessin linéaire), phỏng họa (dessin d'imitation) và thủ công (travail manuel).

Những bản sách vẽ này tiện để học ứng dụng ở các trường học.

Như thế, nhi đồng trong khi vẽ chơi, có sẵn sách vẽ để tập, kiểu-mẫu để theo, sau này rất dễ thành tài nếu em nào có khuynh hướng và sở năng về hội họa.

HOA BẮNG

1) Nhưng sau ông Mai Lĩnh đến hiệu G4-đa, thấy có bán những hộp chữ lưỡng tự như thế, bầy giờ mới biết ngoài quốc làm trước mình lâu rồi.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 1.

Ung-học NGUYỄN-VAN-TÔ

Năm 1914 ông Georges Cordier in một quyển « Việt - nam thi văn hợp tuyển » đề là *Littérature annamite, extraits des poètes et des prosateurs*. Tập kỷ yếu Trường Bác cổ (q. XIV, số 9, tr 1-6) bình phẩm những bài văn chữ nôm của ông dịch ra tiếng nôm như sau đây: « Ông Cordier cho rằng sách bằng tiếng Việt-nam (văn nôm) ít lắm, và lại kém hay, nên ông thêm rất nhiều bài văn nôm dịch ra quốc ngữ. Trừ một vài người gần đây như ông Trương-Vĩnh-Kỷ hay ông Huỳnh-Tồn-Cử, còn có nhà làm văn xuôi nào viết bằng tiếng Việt-nam đâu, chỉ viết bằng chữ nôm. Những bài trích-dịch văn nôm, ông Cordier in vào cuối sách, gần được một phần tư quyển sách, thực ra chỉ là phần bài dịch riêng cho quyển sách của ông, chứ không phải là nguyên-văn của nhà thơ. Ông Cordier làm gáo - hạp, còn lại gì lối văn với giọng văn, đó, với nghệ - thuật quan - trọng như thế nào: dù... dịch hay đến đâu, cũng không thể nào thay được bài nguyên - văn làm bằng tiếng khác. cái đó rõ - rệt lắm, không phải bàn đến. Thực ra, lối ông Cordier không theo được: không ai lại xếp quyển « Cẩm-tướng và cách-ngôn » của vua La-mã Marc-Aurèle (161 - 180) làm bằng văn Hy-lạp vào văn-chương La-mã (tức La-tinh), không ai nghĩ tên ông Chamisso (văn - hào nước Đức, nhưng vốn là người Pháp)

vào làng văn Pháp, mà nhất là không ai dịch tác - phẩm của các ông ấy vào sách thi-văn hợp tuyển (vì đã làm mẫu thì không lấy văn dịch). Một quyển lịch - sử về văn chương Việt - nam thì phải chép đến ông Ngô thi-Sĩ, Lê quý - Đôn, v.v., nhưng không bao giờ lại chép những bài văn chữ nôm của các ông ấy vào quyển thi - văn bằng tiếng Việt-nam ».

Thế mà ông Dương-quảng-Hàm lại làm theo lối ông Cordier! Sách ông mới soạn xong, đề là *Việt-Nam văn - học sử - yếu Précis d'histoire de la littérature annamite* (đồng nhà Học-tĩnh xuất-bản được 508 trang 14x21), trong có mục « Các bài đọc thêm » in vài bài văn nôm dịch ra quốc-ngữ. Lại dạy cả lối làm văn, thành ra vừa chép sử, vừa dạy làm thơ làm văn, vừa trích bài ở sách đã xuất-bản.

Cứ theo trình-độ giác-khoa của ta, thì làm cả vào một quyển như thế, thật là tiện - lợi. Và lại, ông Hàm theo đúng chương trình khoa Việt - văn ở ban trung - học. Vậy có muốn ban với ông tách ra làm sách sử, — sách trích-dịch, — và sách dạy làm văn, cũng không có ích gì. Chỉ nói qua rằng tên sách *Việt-Nam văn-học sử-yếu*, không đúng với nội - dung quyển sách.

Trước khi bàn đến từng chương sách của ông, tôi dịch đoạn phê-bình của tập kỷ-yếu Trường Bác-

cổ in năm 1914 (ở q. XIV, số 9, tr. 1-2) để độc-giả xem người Pháp xét đoán về văn của ta ra sao:

« Văn Việt-nam có người chê có người khen, hai bên đều nói quá cả, khen thì khen hết sức, chê thì đến nỗi bảo rằng: làm gì có văn Việt-nam! Thực ra thì văn Việt-nam không đáng tôn quá lên như thế, mà cũng không nên đim quá xuống như thế. Nhưng muốn xét công bằng thì lại thiếu ít tài-liệu: Sách chữ nôm của người Nam làm ra, không phải là hiếm gì, nhưng có dễ mua dễ mượn đâu; cả đến những sách đã in ra quốc-ngữ, cũng không có mấy quyển ra khỏi Đông-dương, ngoài Trường Bác-cổ ra, không có thư-viện nào để riêng sách nôm ra một khu, mà xếp-đặt có phương-pháp... »

« Ta nên nhớ rằng người Tây nói đến văn Việt - nam thì khác hẳn người Nam, người Tây gọi văn Việt-nam là tất cả những sách làm bằng tiếng Việt-nam (tức là chữ nôm hay quốc-ngữ, chứ không phải chữ nôm). Thực ra thì có hai thứ văn Việt-nam, chứ không phải có một thứ: hai thứ ấy khác nhau về những đề-mục, lại khác nhau cả đến tiếng dùng làm văn. Đến tận lúc người Pháp sang đây, hình như người Việt-nam không cho tiếng Việt-nam có thể diễn được những tư-tưởng nghiêm-trang: phẩm điều gì người Việt-nam cho là quan-trọng đời sống, thì bao giờ cũng

đồng chữ nho, như sê-ký, địa-dư, pháp-luật, triết-học, y-học, địa-lý, binh-pháp, thơ, phú, hễ cái gì làm gốc cho văn-chương, thì đều viết bằng chữ nho cả. Chỉ có chữ nho là dạy trong các trường học, thì học-trò cũng bằng chữ nho, dầu bài thì cũng bởi về chữ nho và văn nho của Tàu. Chữ nho lại vượt cả phạm vi văn-chương mà tràn vào đời công đời tư của từng người: về hành-chính, thì từ sắc-chỉ của nhà vua cho đến những lá đơn thường gửi lên vị quan nhỏ, — về tôn-giáo thì từ lời cầu khẩn của vua ở đàn Nam giao (thờ trời) hay ở nhà thái-miếu cho đến lời khẩn vái của kỳ-mục ở đình làng, — việc khánh điển, công bay tư, gia-phả từng nhà từng họ, văn-khế miếng đất sào vườn, bấy nhiêu thứ và còn nhiều thứ khác nữa, trước kia chỉ làm bằng chữ nho. — Dùng chữ nho nhiều như thế, thì người Nam còn viết gì bằng tiếng Nam? — Ngày trước người Nam viết chữ nôm ít lắm. Trước khi người Pháp đến cai-trị nước Nam, sách vở viết bằng tiếng Nam chỉ có hai hạng: một là sách kinh-phủ, như thơ phú-thần-thần, đàm-dăng, hoang-đường; hai là sách khuyến-thiện, như thơ giáo huấn, chuyện luân-lý thơ tôn-giáo, v. v. Trong hai hạng ấy không có văn xuôi, chỉ dùng có một lối văn vần. Lúc khi người ta lấy làm lạ, tại sao văn nôm lại không có lối văn xuôi? Nhưng mà dễ hiểu lắm. Thực thể, chứ nên tưởng rằng những sách viết bằng chữ nôm, có nhiều người đọc hơn sách viết bằng chữ nho đâu. Chữ nôm viết theo chữ nho thì khó học, phần nhiều chỉ có những người đã học qua chữ nho mới đọc nổi viết nổi. Đối với dân,

thì sách nào cũng thế, viết bằng chữ gì cũng không hiểu, nhưng người dân nghe thấy người khác đọc sách nôm, có thể hiểu được. Vậy thì những sách nôm phải làm cho người ta học truyền-khẩu mà dễ-thuộc lòng, chứ không phải làm đề xem. Mà muốn cho người ta nhớ lâu, hầu hết phải dùng lối thi ca, vì có vần có điệu; muốn cho dễ nhớ hơn nữa, phần nữa phải dùng lối ca-dao (tức là lối trên 6 dưới 8).

« Một đảng vì mục-dịch (dùng cho binh-dân) nên lời văn nôm phải nhiều thứ hạn-chế, không hành-chương được, — Một đảng các nhà làm văn, vì giáo dục mà phải hạn-chế: tuy mình có ý-kiến gì hay, tài gì lạ, muốn phô-đến ra, nhưng không được vượt ra ngoài khuôn-sáo. Thực thể, tất cả những nhà văn đời xưa là những người học nho, từ lúc học đến lúc làm văn, đã nhiễm lối tàu, thì dù viết bằng nôm hay tiếng khác, cũng không thoát cái sáo của Tàu. Về ý-tư trong bài văn, trừ mấy bài thi-ca ngắn-ngắn, là thơ đàm-dăng hay trào-phúng, còn thì phần nhiều là bài-chức hay đi ở sách Tàu. Nội-tiêng hay nhất là chuyện Kiều, thế mà cũng là dịch ở một quyển tiểu-thuyết tàu gần giống hết (tàu này nói không đúng vì chuyện Kiều là chuyện tàu, thì phải thuật theo chuyện, chứ không phải dịch theo văn. Nay đem một đoạn trong Kim-vân-Kiều chuyện (bằng chữ nho) của Thanh-tâm tài-nhân bên chép (bản sao trường Bắc - cô, số A 953, q. 4, tờ 47 b) so với mấy câu của cụ Tiên-diễn ở Đoạn-trường tân-thanh (tờ 77 b, giọng 4 và 5) thì rõ ngay. Bên chữ nho chép

rằng: « Thúy-Vân nói « Con sánh đôi với Kim-lang, là nguyên khi chỉ con bán mình làm việc hiếu, không dùng lời thề, cho nên gọi con nổi danh nhân duyên ấy. Nay chỉ con đã chết đi sống lại, thì lời thề trước bấy còn, bây giờ chẳng được-tiền, còn đợi lúc nào? » Thế mà cụ Nguyễn Du thuật sang văn vần là: « Rằng: Trong tác-lộc (cơ-trời, đôi bên gặp gỡ một lời kết-giao, gặp con bán-dia ba-dào, phải đem duyên chỉ buộc vào cho em. Cũng là phận cái duyên kim, cũng là máu chảy ruột mềm (lời sao? Những là rày ước mai ao, mười lăm năm ấy hết bao nhiêu tình! Bấy giờ gương vỡ lại lành, khuôn-thiêng lừa lọc đã đành có nơi, còn duyên may lại còn người, còn vắng trắng bạc còn lời nguyên xưa. Quả mai ba bảy đang vừa, đào non liễu sớm xe to kịp thì ». Như thế mà gọi là « dịch theo » sao được? Vả lại trong 14 câu ấy, thì từ câu 5 cho đến câu 12 thì là tiếng ta và tục ngữ ta, chứ không mượn ý-tư gì của Tàu cả).

« Khi nào không phải làm sách cho dân đọc, tức là không phải viết lối ca-dao, thì người Nam lại trở về lối cũ, dùng toàn thơ tàu và các lối văn vần của Tàu. Những lối ấy là thơ có hạn chữ, ca đề bát, phú có hạn văn, v. v., đều có đủ cả trong văn nôm, chỉ nơi khác là tại dùng tiếng nôm thì phải đồ đi đôi chút (câu này cũng không đúng: thơ phú nôm có khác gì thơ phú chữ nho đâu?) Sau Lết, về văn-thi, thì bao nhiêu những điều so-sánh, lý-dụ, điển-tích, đều là mượn của phồn-tục, sử-ký và sự-lịch nước Tàu. (Trở

(Xem tiếp trang 9)

BÀN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT-NAM

Số 3

ĐAO-TRỌNG-ĐU

C. - Câu nói tiếng ta với câu nói tiếng khác

So-sánh ngôn - ngữ người Tàu với cách Việt-nam ta ăn nói, ta còn nhận thấy giá-trị của ngữ-chúng một cách rõ-ràng hơn. Nhiều khi câu nói tiếng tàu giống hệt câu nói tiếng Việt - nam. Ví dụ: *Chữ nhỏ*, như *ta*: «thỉnh tướng công sát hi», ta thường thấy trong *Tam quốc chí*, đối với câu Việt-nam: xin tướng công xét cho. Mỗi câu năm chữ: bốn chữ trên câu tiếng tàu giống bốn chữ trên câu tiếng ta còn chữ thứ năm hai câu tất nhiên phải giống nhau nốt. Vậy hai câu trên đây là một ngữ-chúng no cùng-từ rằng *cho* chỉ, hán-tự, đã Việt-hóa ra chữ *cho* tiếng nôm. *Cho* đây là đại - danh - từ, không phải là động-từ. Xin tướng công xét cho, cũng như tướng bé chớ con mèo, nó cần cho: *cho* trên thay cho điều ấy, *chớ* dưới thay cho thằng bé. *Chớ* này khác chữ *chớ* ai vật gì, nguồn gốc ở chữ cấp làm *chớ*, khiếm *chớ*, cổ-rễ ở chữ *sử*, và *chớ* nên nguồn-gốc ở chữ *sở-dĩ*. Trong câu «Lên cho cho lại cho tàn cho cân», *chớ* thứ nhất là chữ *sử*, *cho* thứ nhì là chữ *chỉ*, ba chữ *cho* sau gồm cả hai nghĩa *cho-sử* và *cho-chỉ*: vì đồng âm nên cách dùng chữ đặt câu biến-dổi đi như vậy: một âm *chớ* thay cho hai chữ *cho* nguồn - gốc khác nhau.

Câu *thiên cao địa hậu* đối với câu *giời cao đất dày*: *giời* ở chữ *thiên*, *cao* ở chữ *cao*, *đất* ở chữ *địa*, *đầy* phải ở chữ *hậu*.

Hai câu này làm ngữ - chứng cho nguồn-gốc chữ *dầy*:

Câu *van sự như ý* với câu *mọi sự như ý*: *van*, giọng quảng-đông là *mán*, biến thành chữ *mọi* vì chịu ảnh-hưởng chữ *mỗi*. *Mán* thành ra *mọi* cũng như *man* là người *mán*, thành ra chữ *mọi*, người *mọi*.

Tiếng Bắc-kinh, như câu: *shu p'inh yuên nó*? *Hải shu san tí nó*? *Hải shu*, đối với câu tiếng Việt-nam: là *bình-nguyên* như? Hay là *son-đa* như? Hay là... *Shu* chữ nhẹ là *thị*, thành ra *là*, *Hải shu* chữ nhẹ là *hoàn* thị thành ra *hay là*. Câu: *ní huồi lải lỏ*, trước *shu* í *chien* *hầu* *hào* *tỏ* *shu* - *shing* (1) nghĩa là: ông trở lại rồi, đó là một việc rất tốt. So-sánh hai câu này ta nhận thấy chữ *shu* thành ra *là*, chữ *trước* thành ra *đó*: trước *shu* là *đó* *là*. Trước thành ra *đó* cũng-như trợ thành ra *dũa* trợ thành ra *dở* (giúp đỡ). Câu: *dẫn túi thắng nhược sự-tình* đủ biến đủ ác-lệch *dịch thoại*, nề bắt *đương* đại ngã tử, nghĩa là: nhưng mà dù công-việc càng biến-dổi càng lợi-thoi đi nữa, anh đừng nên thay tôi mà chết. Cách đặt hai câu này giống hệt như nhau: *dẫn thị* là *nhưng mà*, *thắng nhược* là *dù*, *sự-tình* là *công-việc*, đủ biến là *càng biến-dổi*, đủ ác-lệch là *càng lợi-thoi*; *dịch-thoại* là *đi nữa*; so-sánh hai câu, ta có thể kết-luận rằng *dịch thoại* đã Việt-hóa ra *đi nữa*, *chăng nữa*, *đương* Việt-hóa ra *nên* (*đang* hoặc *đương* thành ra *nên*, cũng như *dăng* thành ra *đền*, *nến*.)

Lại như câu: *Ni pủ yao trửo yang shúa pà*, là ông đứng nói thế mà. Câu: *cao sú ní trên shỉnh pà*, là bảo thật ông mà. Hai tiếng *pà* và *mà*-cùng đặt sau câu, và cùng một nghĩa, biết đâu không cùng một nguồn-gốc?

Tiếng quảng-dông, như câu: *Hầu yuên kô*, là xa lắm kia (hoặc xa lắm cơ): *kê* quảng-đông thành ra *kia* Việt-nam. Câu: *ngộ xướng mại yất tui cầm yuông kê*, tôi muốn mua một đôi, thế này cơ: chữ *kê* tàu chữ cơ ta cũng có vẻ tương-tự. Lại như câu: *ní lưỡng yuông pâu tú thông mại yất yuông chể*, hai thứ vải này cũng một hạng cả chứ, chữ *chứ* ta tức là chữ *chế* tàu.

Tiếng ta giống tiếng tàu không những ở cách xếp câu, còn ở cả cách đặt và cách dùng tiếng-đôi nữa. Ví dụ tiếng Bắc-kinh nói:

<i>pá-pá</i>	là	ba
<i>má-ma</i>	là	má
<i>kớ-kơ</i>	là	ảnh
<i>chê-chiê</i>	là	chị
<i>tí-tí</i>	là	em gái
<i>mây-mây</i>	là	em gái
<i>khán-khan</i>	là	xem
<i>shêng-shêng</i>	là	tuông.
<i>sui-sui</i>	là	rửa (ráy) (tây tây)
<i>shié shie</i>	—	đa tạ (tạ tạ)
<i>wăn-wăn</i>	—	hỏi (vấn vấn)
<i>shỉnh-shỉnh</i>	—	mời (thỉnh thỉnh) vãn vãn...

Hai tiếng lặp lại như thế tuy nói khác, nhưng viết cùng một chữ. Việt-ngữ ta cũng có rất nhiều thí dụ như vậy: Hoặc một chữ

nhỏ lặp lại thành tiếng-dôi Việt-nam, như :

biết thành ba-ba
phủ — vò-vò (tò-vò)
gia — đa-đa
thuần — cun-cút
bạc thành mỏng-mảnh
khinh — tênh-tênh
phức — phung-phức

(thêm)

dục — rung-rúc (đơn)

Hoặc một tiếng-đơn, bắt luận nhỏ hay lớn, lặp lại theo vần iê mà thành ra tiếng-kép, như : quan thành quan-kiếc, học thành học-hiệp, nước thành nước-nước, cơm thành cơm-kiếc, vân vân.

Hoặc tiếng-dôi tâu có sẵn viết-hóa ra tiếng nôm, như thanh-dinh thành ra chườn-chuồn, hồ-diệp thành ra bướm bướm (2), tch'âm khi quảng-dông thành ra rậm-cụi, má-má, qđ thành mò-mò, nỉ-nam thành ra nỉ-non, vân vân..

Đến như cách dùng tiếng-dôi, người Tàu cũng hay lặp lại như Việt-nam và lấy lại thành ra bốn tiếng đi lền nhau. Ví dụ : tiếng Bắc-kinh :

nam-nữ thành nam nam nữ nữ

tử tôn — tử tử tôn tôn
văn vũ — văn văn vũ vũ
minh bạch — minh minh bạch bạch

tứ phương dịch — tứ tứ phương dịch

Tiếng ta cũng thế, nhưng có vẻ phong-phú hơn nữa.

Hoặc nói như người Bắc-kinh : lặp lại từng chữ một :

anh em thành anh anh em em
mẹ con — mẹ mẹ con con
vợ chồng — chồng chồng

vợ vợ

đi lại — đi đi lại lại

Hoặc theo cách Việt-nam, lặp luôn hai chữ một lúc ; và đôi giọng tiếng sau đi :

buồn thiu thành buồn thiu
buồn rầu — buồn rầu buồn

rĩ

ấp-ung — ấp-a ấp-ung
cầu nhau — cầu nhau cầu

nhau

lê-thô — lê-thô lê-thô
thếch, vãi vãi...

Tiếng Việt-nam giống tiếng tâu như thế, nguồn-gốc Việt-ngữ không ở tiếng Tàu thời ở đâu ? Dù có nhiều tiếng bây-giờ ta chưa tìm thấy

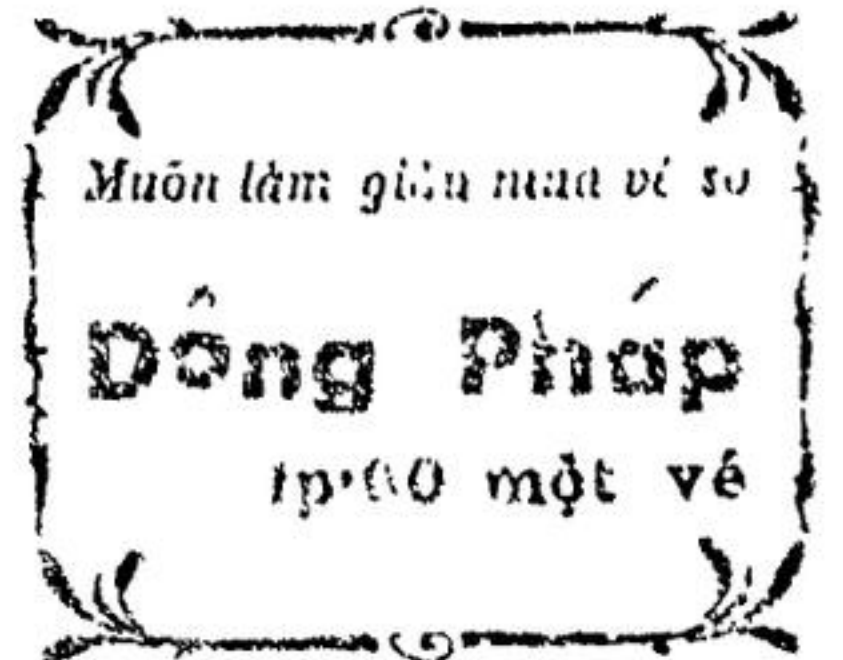
cổ-rễ, ta cũng không nên vội kết luận rằng những chữ ấy là tiếng Việt-nam thuần-túy. Nhờ luật toàn-cứ Việt-hóa là một ngữ-chương rất chắc-chắn, ta sẽ biết được nhiều điều không ngờ về nguồn-gốc tiếng Việt.

Nên chú-ý. — Còn luật đồng-thanh cũng thuộc về ngữ-chương, nhưng thí-dụ đều là tiếng-dôi, xin đề giành đến lần sau, sẽ bàn cùng một lượt với mấy luật đồng-âm, đồng-điệu, đồng-ngữ và đồng-nguyên.

ĐÀO-TRỌNG-ĐU

1) Chữ nho là : Nễ hồi lat liễn, giá thị nhất kiện ngạn hảo đích sự-linh.

2) Chữ thanh đanh thành chườn chườn, hồ điệp thành bướm bướm, một lần sau sẽ cắt nghĩa tường tận.



ĐA CỐ BẢN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YÊU

DƯƠNG QUẢNG HAM Giáo sư trường Trung Học Bảo-Hộ Hà-nội — 500 trang khổ 15×22 lớn

DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHÁC QUẢNG Y-khoa Bác sĩ — LÊ KHÁC THIỀN Ngoại-trừ Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thâm Phán tại tòa Thượng-thẩm Huế, 350 trang khổ 13×20

Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 77

Ứng-hoà NGUYỄN-VAN-TỮ

CXXXV. — Kim Vân Kiều (bài nối)

Câu « Xưa nay trong đạo đàn-bà, Chữ trinh kia cũng có ba bảy nhường » (dường) các bản chữ nôm đều viết như thế. Duy quyển quốc-ngữ của ông Vĩnh (1943, tr. 744) chép là « ba bảy đường » (façons) thì không đúng, vì trùng với câu: « Có khi biến có khi thường, Có quyền nào phải một đường chấp kinh », « Nhường » « thường », « đường » là một vần; không bao giờ một vần lại dùng hai chữ trùng nhau như thế.

Nhân biết kỳ này tôi so đến câu ấy, có mấy bạn đọc báo viết thư tôi về nghĩa chữ « trinh »: tôi theo sách giảng như sau này.

Nguyên bốn chữ nôm, dịch dưới đây, có câu: « Phạm trinh-tiết của người con gái, có khi lấy việc « không thất thân » làm trinh-tiết, có khi lấy việc « nhục thân » làm trinh-tiết, vì là có lúc thường có lúc biến. Hèn-thở sở dĩ thân bị nhục, là gặp phải lúc biến mà làm việc hiếu, cũng như hoa sen tuy bị ở dưới bùn mà không nhuộm... ». Đó là câu của Kim-Trọng. Bàn rộng về nghĩa trinh-tiết, mà cũng là bình-phẩm đời Thúy-Kiều « lấy hiếu làm trinh ».

Chính ra làm người con gái, phải « lấy chữ trinh làm đầu ». Khi Thúy-Kiều mới gặp Kim-Trọng, Kim-Trọng có chiều lả-lơi, thì Thúy-Kiều nói rằng: « Đã cho vào bậc bổ-kinh, đạo tòng-phu lấy chữ trinh làm đầu. Ra tưởng trên bậc trong đầu, những con

người ấy, ai cầu làm chi? » Thế thì chữ trinh ấy là không thất tiết, « không thất thân ». Cho nên khi tái phùng với Kim-Trọng, Thúy-Kiều vẫn nói: « Ngẫm rằng trong đạo vợ chồng, hoa thêm phong nhĩ, giăng vóng ngậm gương, chữ trinh đáng giá nghìn vàng, được hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa », tuy Kim-Trọng giảng-giải chữ trinh « có ba bảy nhường », mà Thúy-Kiều vẫn nhất định rằng « chữ trinh còn một chút này, chẳng cần cho vũng, nở giầy cho tan ». Thúy-Kiều đã bị thiên ma bách triết, mà đến khi tái phùng với Kim-Trọng là người thanh-nhân đầu tiên « tình-nhân lại gặp tình-nhân, hoa xưa bướm cũ mười phần chung tình » vẫn nhận mình là « chữ trinh còn một chút... », nên các bạn đọc báo có hỏi tôi rằng: « Chữ trinh ấy có bản nào viết chữ gì khác không? và có nghĩa gì khác không? »

Tra tự-vị thì trinh nghĩa là trong-chính, là bền chặt. Người con gái không lấy chồng gọi là trinh. Có chồng mà không thất tiết cũng gọi là trinh. Cứ theo nghĩa như thế, mà Thúy-Kiều nhận là trinh thì hơi ngang, nhưng đối với Thúy-Kiều vẫn có chữ trinh « cách ngoại » (tức đặc biệt) là « lấy hiếu làm trinh », và chính khi bấy giờ tuy « động-phòng dlu-dại chén mồi, bâng-khuâng duyên mới ngậm-ngùi tình xưa », nhưng Thúy-Kiều vẫn nhất định không chịu mây

mưa, « trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay ». Vậy thì câu ấy viết chữ trinh là đúng, nên không có bản nào viết ra chữ gì khác.

Từ câu « Kiệu hoa giục giã tức thì, Vương-ông dạy rước cùng về một nơi » trở xuống, dịch theo chuyện ở bản chữ nôm như sau này:

Hai bên lay đáp xong, đứng dậy. Vương-ông giục phu kiệu rước Thúy-Kiều đi. Vương bà nói: « Hiện giờ nó ăn mặt: lối nhà chùa, sợ người ngoài dị nghị ». Nói rồi, gọi Thúy-Vân đem quần áo lại cho Thúy-Kiều thay. Thúy-Kiều chối từ rằng: « Con đã từng trải cảnh khổ. Ngày nay được thấy cha mẹ, lấy làm may-mắn muôn phần. Nhưng thân này đã là người ngoài trần-tục, chỉ xin ở đây với sư-huynh đồ tu-hành là

ĐANG IN LẦN THỨ 2;

LÀM BÈP GIỎI

Sách giấy hơn 350 trang.
Có thêm nhiều bài mới lạ.
In có hạn, Xin trả tiền trước. Không gửi lĩnh hóa giao ngân.

Giá 10\$, cước phí 1\$
Nhà xuất-bản Phụ - Nữ
phát hành. Thư và mandat
để cho:

Bà ĐÀO THỊ MINH
118 Duvillier — Hanoi

«mãn-nguyện rồi». Giác-duyên gọi Thúy Kiều: «Hèn muội nói thế là nhảm. Trước đây hèn-muội sở dĩ ái mộ: nặc-sùng là lúc từng quỳ, chứ hèn-muội theo thế nào được ta?» Vương-bà nói: «Thôi, con không nên nhiều nhởi. Nếu con tu thành Phật được, thì ngài đã không tha con», Thúy-Kiều thưa: «Con đi theo cha mẹ, thì đã đành rồi. Nhưng con đối với sư-huynh ân sâu nghĩa nặng, con sao忍 bỏ mà đi?» Kim-Trọng nói: «Vệc ấy cũng chẳng khó gì, mở sư-phụ ủng đi về, rồi sẽ làm một cái am để cúng dàng, làm sao mà không được?» (Đoạn này bên bản nôm, đến là lời của Vương-ông), Thúy-Kiều cho như thế là phải lắm, đứng dậy mời Giác-duyên cùng về, Giác-duyên trả lời: «Đa tạ mỹ-ý, nhưng ngày hôm nay cù đi không được, đợi hẳn-láng thu nọ: những đồ-dặc trong am, ngày mai sẽ đến tôn-giữ» (chỗ trọ quý của người). Thúy-Kiều nghe Giác-duyên nói vậy, mừng lắm, mới thay quần áo đi theo cha mẹ vào tuấn đến nhà trọ, Kim-Trọng gọi người nhà sửa soạn tiếp mừng.

Thúy-Vân nhân trước mặt cha mẹ, nói rằng: «Con có một việc muốn bàn qua cha mẹ». Vương-ông hỏi: «Con có việc gì?» Thúy-Vân nói: «Kim-lang và Vương-Quan, hai người đều có quan-chức, mỗi người cai trị một địa-phương, không thể cùng đi được, thì việc này phải nên liệu-lý trước, không nên đề chậm». Vương-ông hỏi: «Liệu lý việc gì?» Thúy-Vân nói: «Con sánh đôi với Kim-lang là nguyên khi chị con bản mình làm việc hiếu, không

đúng lời thề, cho nên gọi con nổi đoạn nhân-duyên ấy. Nay chị con đã muôn phần chết một phần mà được về đây, lời thề còn đó, ngày hôm nay chẳng từ hèn lời thề ấy, còn đợi đến bao giờ?» Vương-ông cho lời bàn ấy có lý bảo con ngày tối đề thành-thần, Vương-Quan thưa rằng: «Trong chỗ lữ-trữ, không nên kẻ chọn. Ngày nay gặp nhau, ấy là giờ lành tháng tốt đấy, xin lấy chén rượu này làm rượu hợp lữ của anh chị». Vương-ông nói: «Có lý».

Kim-Trọng nghe nói, trong lòng xiết nỗi vui mừng. Thúy-Kiều vội vàng gạt đi rằng: «Lời thề cũ tuy còn, nhưng thời-thế đã đổi dời, thì những việc ấy cho theo dòng nước chảy, không nên nhắc lại nữa». Kim-Trọng cãi rằng: «Hiền-thê nói nhảm to. Đã gọi là thề, thì sống chết với nhau. Nay việc côi tuy đổi thay, mà tình thì không bao giờ biến-cải, Hiền-tê lại coi như nước chảy, là ý làm sao?» Thúy-Kiều thưa: «Lời nói không phải nghĩa thế: ân ái vợ chồng thì ai không muốn, nhưng người con gái dè lay chồng, phải lấy trung trinh làm quý, ví như mặt nguyệt đang tròn, hoa đang ngậm. Tiếp không may bị thiên ma bá-hệ triệt (ngặt lần) (Xem tiếp trang 17)

Việt-nam văn học sử

(Tiếp theo trang 5)

có vài bài tức-cảnh hay đề vịnh về việc rông của người Nam, còn thì không bài nào thay nói qua đến sử-lý, phong-tục hay cổ-ti h Việt-nam.

«Như thế, thì văn Việt-nam phải đóng trong phạm vi hơi hẹp: tư tưởng không được sâu-xà, không bao giờ có văn xò, văn-từ và văn-thể không lấy gì làm xuất sắc; sau hết không có tinh cách quốc gia Chí h ngay từ người Nam là n sách cũng không bao giờ cho văn nôm là hệ trọng: ta đừng đi tìm những điều mà người làm văn nôm ấy không đề ý đến, mà cũng không nên quên rằng cái văn-tà của người Nam ở chỗ khác. Ở tất cả những sách viết bằng chữ nho, vừa uyển chuyển, vừa biến hóa mà lại xuất sắc nữa. Cứ mấy quyển thơ nôm hay (như chuyện Kiều) cũng làm chứng rằng người Nam có thể đặt ra một thứ văn nôm có giá-trị, nhưng rõ ràng là người Nam không chịu làm bao giờ....».

(Còn nữa)

Ứng hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

ĐA CÓ BẢN:

TIẾNG VONG SÔNG NGÂN

thi phẩm của bà NGÂN GIANG

Giá: 12\$00

Hỏi các hiệu sách hoặc gửi thư về:

Bà ĐỖ-THỊ-QUẾ

44 Hàng-Bông — HÀ NỘI

TỪ MINH - TINH CỦA PHAN-LƯƠNG-KHÊ

đền thân - chủ của Bùi-hữu-Nghĩa

LÊ-TEO-XUÂN

Nghe Phan-thanh-Giản tuần tiết (1), Nguyễn-dinh-Châu có là n bài thơ đầu « Non nước tan tành hệ bởi đau ! » mà nhiều người lầm tưởng là của Phan làm lúc sắp từ-giã cõi trần. Câu 7 của bài này « Minh sanh (tinh) chín chữ lòng son tạc » làm tôi suy-nghĩ mãi, vì minh-tinh mà chín

chữ thì chẳng hợp lẽ chút nào, nhất là Phan-thanh-Giản hay Nguyễn-dinh-Châu thà chết chứ không chịu rái lẽ.

Đánh lòng triệu (minh-tinh), người ta dùng bốn chữ « quý, khốc, linh, thính » và thế nào cho chữ chốt là chữ linh nếu

người qua đời là đờn ông, hay chữ thính nếu người qua đời là đờn bà.

Chín chữ trong lòng tấm triếp của Phan-thanh-Giản mà người đời thường nhắc là « Hải-nhai lão thơ sanh tánh Phan chỉ cưu ». Ta thử đánh :

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Hải	Nhai	Lã	Thơ	Sanh	Tánh	Phan	Chi	Cưu
Quý	Khốc	Linh	Thính	Q.	K.	L.	T.	Q.

Thế là nhầm chữ Quý, chữ ký vì « bất dụng quý, khốc n ! tự ». Ngót mười năm tìm tòi, một hôm tôi may mắn được anh Phan thanh Hoài, người giữ nhà thờ cụ Phan tại Bảo Thạch (Batri), cho coi rương tờ giấy chữ hán mà từ trước tới giờ anh giữ kín. Rất nhiều tài-liệu mà một phần lớn đã đem rình trong quyển « Phan

thanh Giản et sa famille », xuất bản trong năm 1941. Trong mở tài liệu quý hóa này có hai vật làm tôi vui mừng vô hạn là bài trường thiên của Phạm-phủ-Thứ khốc Phan thanh Giản (3) và mấy lời trối của cụ Phan viết trên mảnh hoa-tiên với nét chữ run-run, nhất là cái nhấn chữ chi, cái ngang dưới chữ cưu và hai

chữ chi mộ ngã xiên, chứng tỏ lúc hơi tàn lực kiệt. Ai thấy qua tuồng chữ mà lòng chẳng bất-giác cũng như nét chữ mà run-run !

Theo lời dặn trong tờ này thì lòng tấm minh-tinh không phải là chín chữ vì ở trên có thêm hai chữ Đại-Nam. Vậy là mười một chữ thành :

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đại	Nam	Hải	Nhai	Lão	Thơ	Sanh	Tánh	Phan	Chi	Cưu
Q.	K.	L.	T.	Q.	K.	L.	T.	Q.	K.	Linh

Chữ chót dùng vào chữ Linh, rất hợp lẽ

Và trọn di-chức của Cụ Phan -văn-vạn có những chữ này :

(hàng bên hữu) 銘 旌 諸 省
若 無 靡 雪

(hàng giữa) 大 南 海 汪 老 耆 生
姓 汪 之 樞 亦 以 此

(hàng chót bên tả) 誌 墓

Phân ra quốc-âm và chấm câu :

« Minh-tinh thính tỉnh, nhược
vô, ung thư :
« Đại-Nam hải - nhai lão-thứ-
sanh tánh Phan chi cữu »
« diệc dĩ thứ chi mộ ».

và dịch là :

« Xin giã (bỏ) tấm triệu đi,
bằng không (nỡ bỏ hay chịu
bỏ). (thì chỉ) nên viết :

« Đại-Nam hải nhai lão thứ-
sanh tánh Phan chi cữu », (và)
cũng lấy mấy chữ này mà đề
ở mộ-bì »

Minh-tinh thính tỉnh ! Xin bỏ
tấm triệu đi ! Đọc xong và hiểu
rõ mấy chữ ấy, các bạn có cảm
được chăng giọt nước mắt
khóc cồ-nbân ? (4)

(Còn nữa) LÊ-THỌ XUÂN

1) Cõi bản của Khuông-Việt trong
Tri-Tân số 157, trang 3. — Bản chụp
di-chức của cụ Phan có in trong
« Phan-thanh-Giản et sa famille » và
Đại-Việt lập chí số 1.

2) Các thầy lễ mà tôi gặp đều nói
như vậy, nhưng không rõ ở trong
sách nào.

3) Bài này bị thứ sáu hai đười (có
lẽ là con nhay) ăn mất nhiều chữ,
phải coi theo bản trong « Gia-viên.
toàn-khập » mà điền vào. (Coi « Phan
thanh-Giản et sa famille », trang 82

4) Nhưng báo Đại Việt số 1 xuất-
bản ngày 1er-10-1942 tại Sài-gòn,
đăng bài tôi nói về mấy chữ « minh-
tinh thính tỉnh, nhược vô, ung thư »,
có nhiều vị bặt đi cái lại, nay tôi
xin trả lời chung ở đây :

1) Xin đáp lời ông Nguyễn-phan-
Long, trong báo « La Dépêche »

ngày 10-10-42. — Tiên-sanh nói
rằng nếu tiên-sanh không làm thì
chữ tinh là giam bỏ (supprimer)
phải có họ thầy bêu tả. Tôi xin biện
ra đây vài chỗ có chữ tinh là giam
trong sách tâu và ta sẽ tinh-cờ tôi
được gặp :

a) Lê - ký, (thiền Nguyệt - lĩnh :
Tĩnh linh-ngũ ».

b) Đại-Nam nhất thống chí, quyển
17, trang 3a : « Tĩnh Phan-lan-
đạo » ; quyển 10, trang 6b : « Cụ
hữu tấn thủ, kim lĩnh » (chữ lĩnh ở
chỗ 1) ; quyển 9, trang 4a : « Phàm
mỹ huyện diệc lĩnh tri - huyện ».
(giam người) .

Cả các chữ tinh đó đều không có
bộ thủy bên tả. Chữ tinh với bộ thủy
thì chỉ Khương hi tự-diễn và Từ-hải
có, cũng nghĩa là giam, nhưng ít
đang nên không có thí-dụ.

Tiên-sanh bảo chữ tinh của cụ
Phan có nghĩa là « examiner, con-
siderer, calculer, peser » — Đó là
nghĩa thứ nhất (1) trong Diction-
naire Annamite Français của ông
Génibrel ; Nếu lần tới nghĩa số bốn
(4) của nó thì ta thấy ông này dịch
là « diminuer ».

2) Xin đáp lời ông Phạm-văn
Điền, trong báo Hạnh-Phúc- 1942. —
Tại gian « Lịch sử » trong Hội-chợ
Sài-gòn vừa rồi, có tờ di-sơ của cụ
Phan (do Triều - đình Huế cho
mượn) ; trông chữ trong tờ này và
trên mảnh hoa-tiên kia thật giống
nhau.

3) Xin đáp lời ông Nguyễn-văn-
Nho trong báo Đại-Việt số 3 (1-11-
42). — Chữ viết trong lòng triện mà
phải xin phép lòng, lý là một lễ-tục
rất thông thường trong Nam (hiện
nay cũng thế). Chính cụ Phan-
thanh-Giản cũng đã có bài trình
vớ : « Đốc, Phiến, Niết » ba vị quan-
lớn của tỉnh Vĩnh-long đề xin lên
« thủy » cho cho.

Luôn tiện, tôi xin nhờ tiên-sanh
trả lời giúp với vị danh-nho kia
rằng tôi không dám đối-trả mà đem
hai « Đại-kho » gán cho người thất-
học. Hai cụ mà tôi gọi là « hai nhà
đại-khoa » đó thì một cụ là giải-
nguyên khoa Canh-ti ở trường Thừa
vụ là Hội-nguyên khoa Giáp-thìn,
tức là cụ Minh-viên Huỳnh-thúc.
Kháng ; còn một cụ chẳng những

cũng đỗ đại-khoa mà còn là ông-tên
Chánh-chủ khảo trường Thừa và
từng làm ân-sư của bao ông tân-sĩ
(Cụ này vị đương nhưt phẩm và
sớm đã về hưu để thiếp hành chỉ
nguyên là làm chánh thiệu sĩ ở một
làng, thường ngày bình văn sự, đôi
cho rhiên ông công, ông nghệ,
nhưng vẫn tự phân nan là vì nghèo
nên học ít, vì giữ mà nghiên bút
bỏ lâu. Vội đứng trước đờo khiêm
tôn đang kinh ấy tôi không được
nói rõ tánh danh của cụ). Về chữ
« lĩnh » có nghĩa là một khu-vực
(đề chỉ « quan lĩnh ») thì đôi
khi tôi không thấy « phải thêm
một hai chữ ở sau như : đương
hến, trường. » Ngoài chữ « lục
kối-bào lĩnh » mà tôi quên ở một
quyển Liệt truyện hay Thực lục
nào, tôi còn thấy này nữa đây .
(.) hĩa Thanh phi thoạt nhị
« thập dư xưa bạc Quảng nam Đại
« chiêm dự, vớ nh phai Phó. quan cơ
« Lê văn Hưu tuần dương, dĩ chỉ
« nghệ dĩ chúng quả bất dịch, dẫn
« khừ (.) chuẩn tiến hành cách
« giao tỉnh tra nghị. » Chu cơ mỗ
hàng đó trong Thực lục để làm kỷ,
quyển 30 trang 5b. Và mà có đến
hai chữ « lĩnh » trên (không phải
tĩnh dương, tỉnh hiên, tỉnh trường)
và cứ có nghĩa là « quan lĩnh »

4) Xin đáp lời bà Phương Lan
nữ sĩ trong Đại Việt số 14 (1er-5-
43) và số 17 (16-6-43). — « Xin bỏ
minh sinh, nên không có ai chịu
viết như sau này (...) », dường như
giống văn phạm Pháp hơn là văn
phạm Tàu. Cụ Ứng học đã chấm
sấm và giảng giải lời của cụ Phan
rất rõ ràng trong Tri Tân này (và
như tôi đã mượn mà dịch ở trên)
Mà chính cụ Minh Viên cũng đã
giảng như thế trong thư trả lời
cho tôi ngày 6-2-42. Cụ còn thêm :

Theo tôi thì chấm cả chỗ chữ
lĩnh, chữ vô, được rõ ràng, ngay
thiệt dễ hiểu ». — Về mấy câu đối
ở mộ cụ Phan có mấy chữ xin danh
chính : « Lang sơn (không phải lang
hà), quán Hầu Ngưu (không phải
Khiền Ngưu), sơn hoa dã thảo
(không phải thảo dã) .

Lữ-ký

HAI THÁNG Ở GÒ ÓC-EO

HAY LÀ CÂU CHUYỆN ĐI ĐÀO VÀNG

Số 4

của Biệt-lam TRẦN HUY BA

Tới làng Vọng-thê

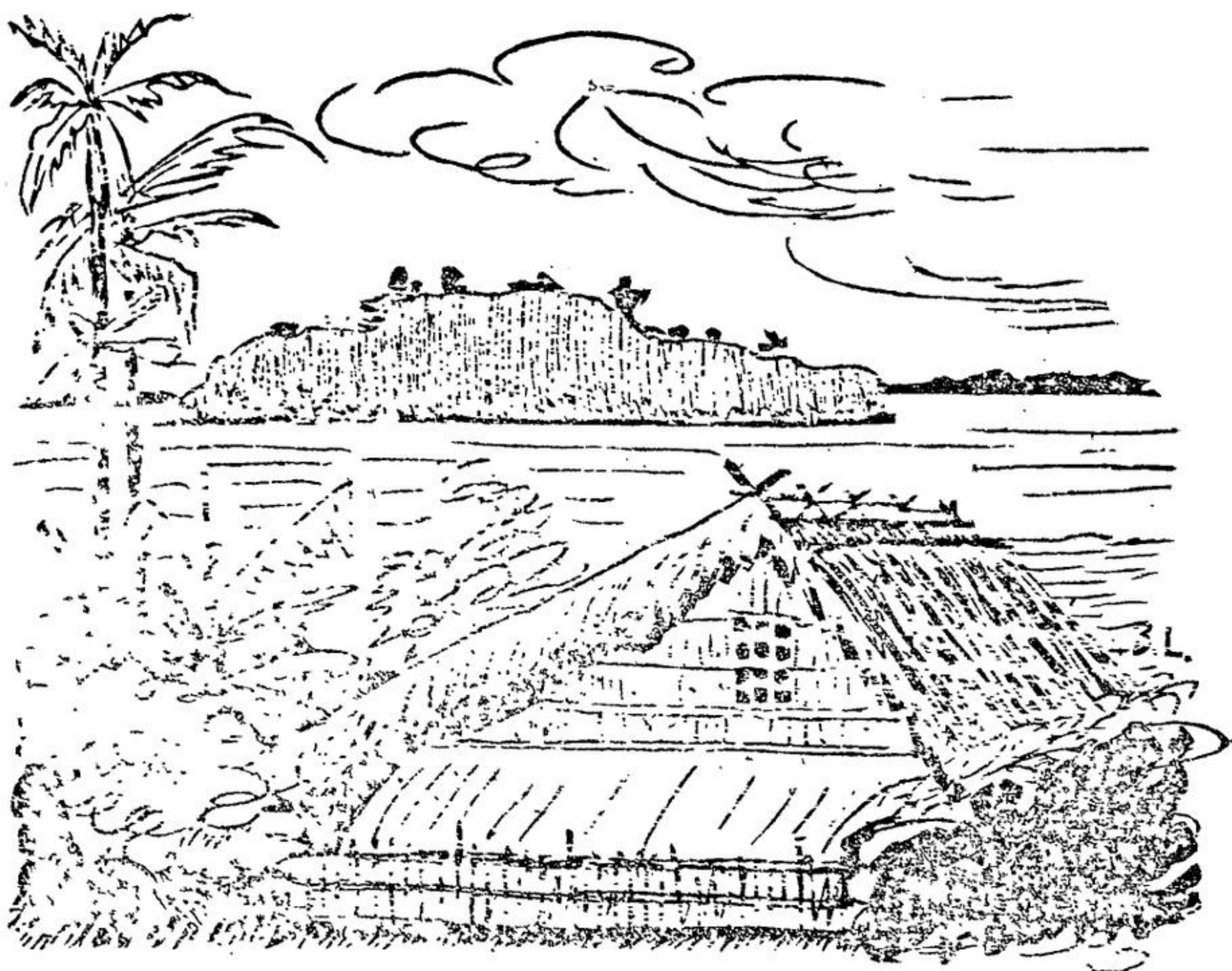
Làng Vọng-thê, thuộc quận Long-xuyên, tỉnh Long-xuyên, làng ở bên chung quanh dãy núi Ba-thê giáp giới làng Mỹ-lâm thuộc

đi bộ độ 2 cây số thì đến đỉnh làng.

Ngày 12-11 chúng tôi cũng do con đường này đi tới, vì lối kia nước cạn khó đi. Đỉnh làng làm trên một cái đồi cao độ hơn 4 thước:

được mà chưa lập biên-bản xong;

còn phòng kia để dành cho vị xã trưởng, có cửa sắt để thu tiền thuế, má. Ngoài ba gian rộng thì có đủ bàn ghế tủ để ban Hội-n



tỉnh Rạch-giá. Có hai đường từ Long-xuyên đi tới: một đường đi ca nôt từ tỉnh qua núi Sập rồi đi ghe tới làng; một đường đi từ Long-xuyên bằng ca-nôt tới cầu số nam thì rẽ vào Kênh Sảng, rồi

một cái nhà kiểu mới, chung quanh cửa chớp, trong có 2 cái phòng, một phòng dành cho vị Hương quản, phòng ấy lại ngăn ra một căn nhỏ, có cửa khóa, để tiện giam những tội nhân mới bắt

hợp hội-đồng. Khi phái-bộ-viện Bác-cê tới, vì sự cần dùng, nên làng vui lòng, để phái bộ tạm đóng. Ở chính giữa ngôi nhà, bên trên khuôn cửa có một cái ban thờ sơ-sài. bên trên bài-vị thấy đề

chữ « Tiên-sư vị ».

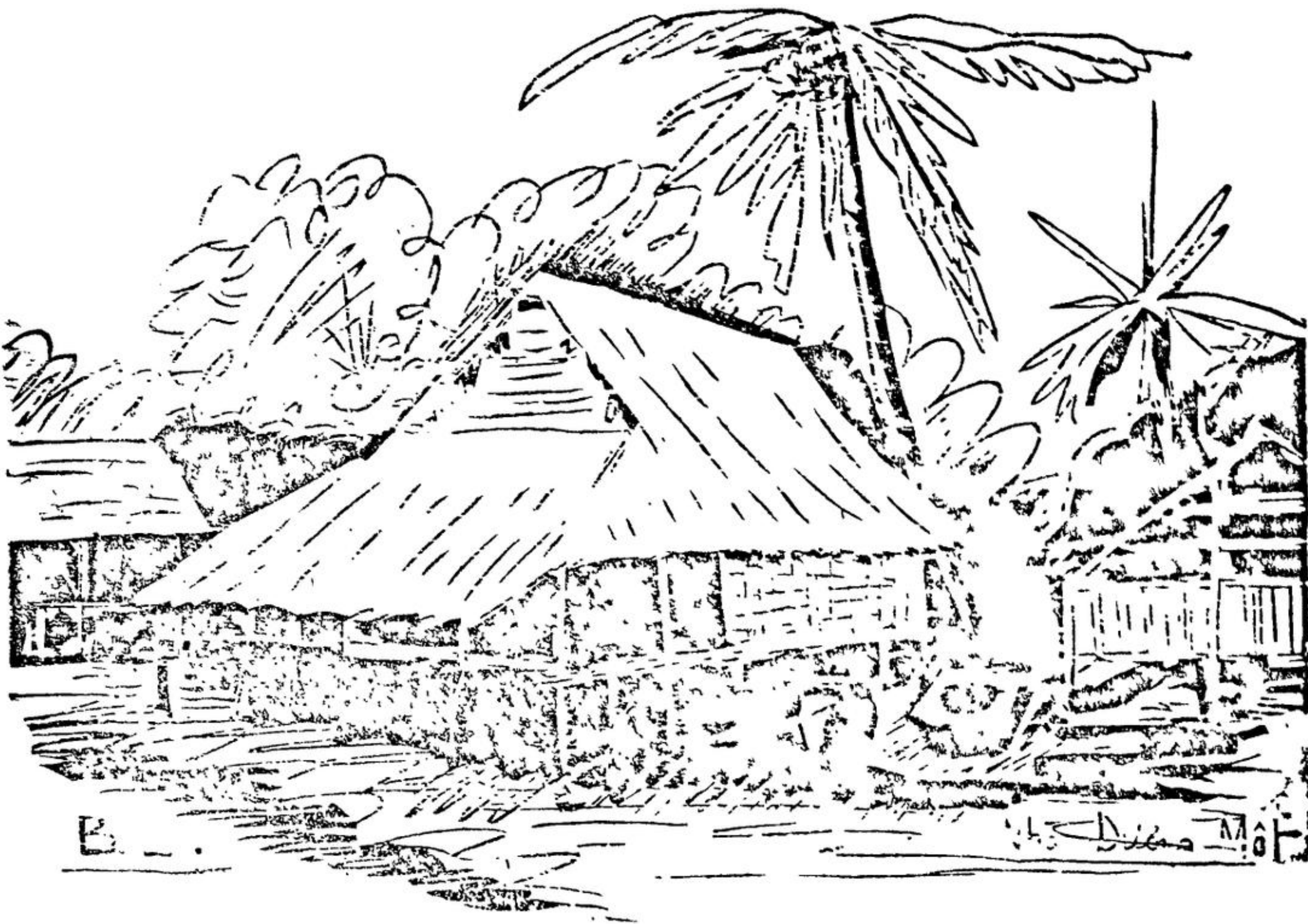
Nhà làng quay lưng Đông-bắc, trước mặt có con sông đào thẳng tuột cho tới núi Sập. Trước mặt nhà làng có một dãy phố toàn nhà gianh, cũng đủ các hiệu bán buôn, như tiệm Café, tiệm bán thuốc bắc, hàng, thợ cạo, hàng tạp hóa cũng tơi đong vui; có 1

họ phải lấy cái gáo mà múc từng bát nước một. Dưới vòm trời nắng như thiêu, phải ngồi đợi làng giờ, mới được một gánh, thế mà họ không chịu rời giếng cho sâu, đó cũng là một vấn đề khó hiểu!

Khi chúng tôi tới đó, việc thứ nhất là phải nghĩ đến vấn đề nước,

lấy vòi cao-su dẫn nước xuống chum bên dưới, rồi bỏ thuốc sát trùng vào, thế mà nước vẫn có chất dính như nhựa vậy.

Trong đoàn phải bỏ có bốn nhân-viên, ngoài ra có 15 trai sinh ở các tỉnh Rach-giá, Long-xuyên, Saigon và Cần-thơ. Quan tỉnh Long-xuyên phải về mời thầy khấn



nhà trường Pháp-Việt và một nhà hộ-sinh. Tuy ở gần núi mà vấn đề nước ăn thì thực là phiền, vì dân ở đó phần nhiều là người đường tiêu (Cao-mên), họ chỉ quen với những cái vũng con dè lấy nước. Nước thì đục như nước hến. Mỗi khi ra gánh nước,

đại-dề như nước ấu và uống thì phải lấy từ Long-xuyên mỗi ngày là hai chính thủy-tinh, đựng được độ 60 lít nước, còn nước tắm rửa thì phải thuê gánh mỗi gánh là một cái, đồ yáo cái chum để thắt cao, rồi đánh phèn từ ngày hôm trước, hôm sau nước trong mới

hộ và 10 người lính khố-xanh, tất cả gồm có 30 người. Chương trình hằng ngày đại-dề như sau:

5 giờ rưỡi sáng, có kèn báo thức, 6 giờ kém 15 sập hàng chào cờ, rồi lại có kèn báo, ấu điểm-tâm, đúng 6 giờ khởi hành (Xem tiếp trang 16)

ĐẠI NAM ĐẤT SỬ

Số 54

Ung-học NGUYỄN-VAN-TO

XXXIII. — Lý công Uân (bài nối)

Tháng bap năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên (1010), làm xong cung Thủy Hoa ở Thăng-long, bên đất lễ khánh Lành, và ban chiếu đại xá. Tha thuế trong ba năm; người nào thiếu thuế từ mấy năm trước mà phải đi trốn tránh, cũng tha cho hết. Ban chiếu kấp trong nước cho những dân sâu bạt đi các nơi, được về bản-quán sinh nhai. Hai mươi tám tên mách họ Lê Long Đinh (1005-1009) bắt ngày trước, đưa cho quần áo, lương ăn và thuốc thang, rồi sai người đưa về bản-thủ Thừa-nhưng người huyện T. a-b hà về bản huyện (*Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 11 b).

Cùng năm ấy đổi mười đạo làm hai-mươi bốn lộ, còn châu Ai (Thanh hóa) châu Hoan (Ngũ-gi-an) thì gọi là trại. Lại đặt một trại ở cõi nam châu Hoan là trại Di-thiên, cho Lý Thái-giai làm trại-chủ. Nguyên nhà Đinh (968-980) chia nước làm mười đạo, nhà Lê, (980-1009) chia mười đạo làm lộ, phủ, châu, nhưng không rõ là bao nhiêu lộ, phủ và châu; đến nhà Lý lại chia làm hai-mươi-bốn lộ, cũng không rõ là những lộ nào (*Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 12 a-b).

Năm thứ tư hiệu Thuận-thiên (1013), định rõ ngạch thuế, theo tờ chiếu trước tha thuế ba năm, đến năm này vừa hết. Ngạch thuế như sau này: một là đầm ao ruộng đất (đầm, trì, điền, thổ); — hai là tiền thuế đất bãi giống dâu (tang

châu điền); — ba là nưông vật thổ-sản ở núi nguồn (sơ nguyên sản vật); — bốn là đồ vật mắm muối ở những nơi cửa ải (quan ải cơ sát hạm dâm); — Năm là sông tể, ngựa voi và các thứ hương-liệu ở miền mạn mội (mạn lãn tể tượng hương liệu); — Sáu là gỗ cây hoa quả ở miền núi (sơn đầu tài mộc hoa quả). Định rõ đều lệ thu nộp, cho các tước vương, tước hầu và công-chúa cao quân, việc thu thuế có thứ tự khác nhau (*Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 16 a).

Năm thứ bảy hiệu Thuận-thiên (1016) trong nước được mùa, lại tha thuế ba năm. Năm thứ chín hiệu Thuận-thiên (1018) lại tha một nửa thuế ruộng (*Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 2, tờ 8 a-b).

Trên đây là những công việc trị dân của Lý Công-Uân; đến việc binh, thì năm thứ mười-sáu hiệu Thuận-thiên (1025), định ngạch lính cổ tăng gấp: mỗi giáp mười lăm người, lấy một người làm quản-giáp. Lại định chức quản-giáp cả ngạch. Đều chức hóa đầu làm chức chưởng-thủ (Lê Quý-Đôn, *Kiến-vũ-gi-lục*, chép: «Hóa đầu cũng như đội-trưởng nhà Hậu Lê, 1428-1789, không rõ đặt từ đời nào). Con hát (xướng nhi) cũng gọi là quản-giáp. Lúc bấy giờ có người con gái hát họ Đào, sở trường bản-ngệ, thường được triều-định ban thưởng: người đời ấy mộ tiếng họ Đào, nên con gái đi hát đều gọi là Đào-nương, (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 10 a).

Đến nay ta hãy còn dùng tiếng «Đào-nương» hoặc «ả-đào», «ả-đầu», có lẽ bắt đầu từ đây, mà hiện nay trong nghề hát, hãy còn dùng chữ quản-giáp là chầu bọ Lát, chứ không phải con hát.

Làm một ông vua có nước, cốt nhất việc trị dân và việc sửa sang binh-linh. Xong rồi, đến việc giao-thiệp với các nước láng-lềng. Nối ngôi nhà Lê, (năm 1009), Lý công-Uân liền sai viên-ngoại-lang là Lương-nhân-Vân và Lê tái-Nghiêm đem phương vật sang biểu nhà Tống. Các đình-thần nhà Tống có ý vì nhà Lê, định từ chối không nhận, nhưng vua Tống nói: «Họ Lê thay họ Đinh, nay họ Lý bắt-chức; thế thì Lê hay Lý có khác gì», rồi nhận những phương-vật của Lý (*Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 9 a).

Đến tháng mười-hai năm ấy (1010) sứ Tàu sang đến nơi, trong Lý Công-Uân làm Giao-chỉ quận-vương lĩnh lĩnh-hải-quân tể-độ-sứ. Nguyên từ đời Đinh, Lê, nhà Tống sai sứ sang phong, bắt đầu phong chức kiểm-biểu thái-úy, qua chức tiết-độ, đề-hộ, rồi mới phong đến quận-vương. Từ Lý công-Uân bắt đầu được phong quận-vương, sau thành ra định lệ (*Khâm-định Việt-sử* q. 2, tờ 17 a).

Tháng tư năm thứ hai hiệu Thuận-thiên (1011), sai viên-ngoại-lang là Lý Nhân-Nghĩa và Đào Khánh-Vân đem phương-vật biểu nhà Tống. Khánh-vân nhận trở ở lâu không về nước, người nào bắt được giả vua ta, Công-Uân sai lấy gậy đánh chết (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 4 b).

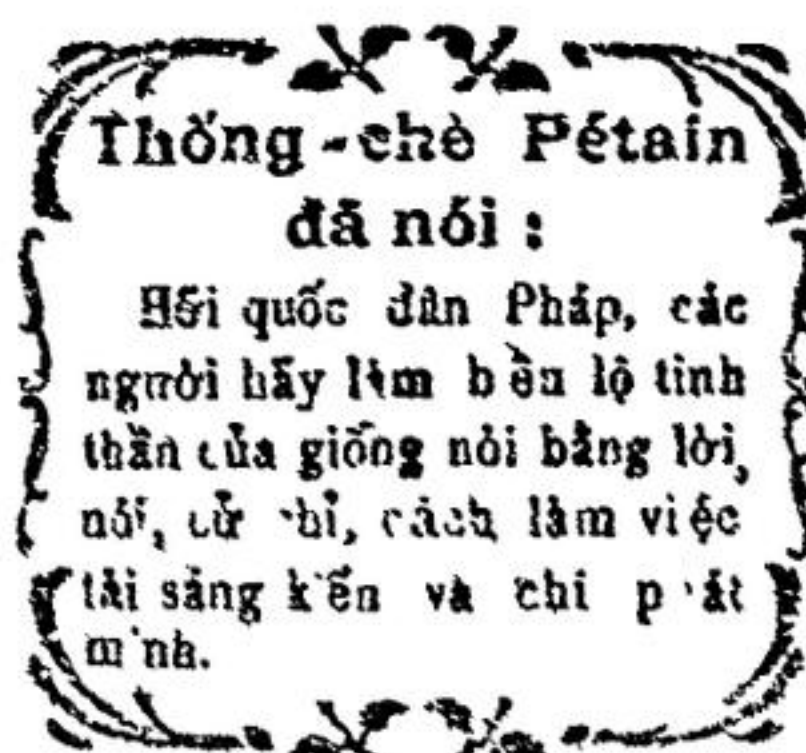
Tháng mười hai năm thứ ba hiệu Thuận-thiên (1012), sai thái-

bảo Đào Thạc-Phụ và viên-ngoại-lang Ngô-Nhữ-ông sang nhà Tống để tỏ tình giao-hiếu (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 2, tờ 5 a).

Nam Thuận - thiên thứ năm (1014), Mau-tướng ở Hạc-thác (cũng là Nam-chiếu) là Dương-trường-Huộ và Đoàn-Kích đem ba mươi vạn quân vào ăn cướp ở ta đóng ở Kim-hoa-hộ, sắp đặt dinh quân, gọi tên là trại Ngũ-ba. Chức Châu-Mục ở châu Bình-lâm (tức đất huyện Quảng-uyên, tỉnh Cao bằng bây giờ) là Hoàng-ân-Vinh đem sự trại gâu vua Lý nghe : vua sai Dực-thánh-vương đem quân đi đánh, phá được, bắt đầu gặc về hàng vạn, bắt sống được người ngựa không biết bao nhiêu mà kể. Rồi sai viên-ngoại-lang là Phùng-Châu và Lý-Thạc đem một trăm con ngựa bắt được của bọn Mán đưa cho nhà Tống. Vua Tống sai sứ-tại-tất sứ thần để tiếp sứ ta đưa về kinh-dô, và truyền các trạm phải cung-dẫn cho tập và đủ. Khi đến kinh, vua Tống trệu Phùng-Châu vào yết-kiến ở điện Sùng-dức, ban cho mũ đai đồ đạc và tiền lụa (*Đại-Việt sử ký toàn thư*, q. 2, tờ 6 b).

Đến năm thứ bảy hiệu Thuận-thiên (1016) vua Tống sai sứ sang phong Lý Công Uẩn làm Nam-bình-vương.

Tầng sáu năm Mậu-ngọ (1018) Lý Công Uẩn sai viên-ngoại-lang là Nguyễn-dạo-Thanh và Phạm-Hạc sang nhà Tống xin kinh *Tam tạng* (chữ phạn gọi là Tripitaka). Đến tháng chín năm Canh-thân (1020) bọn Nguyễn-dạo-Thanh đi sứ về, được kinh *Tam tạng*. Công Uẩn sai tăng-thống là Phi-Trí sang Quảng-tây, đón về, để ở Đại-hung



tạng, và chùa k'huê tên là Đại-hung (*Khâm định Việt sử*, q. 2, tờ 20 a).

Năm Tân-dại (1021) sai viên-ngoại-lang là bọn Nguyễn-khac-Tái, Nguyễn-tu-Quang sang nhà Tống dựng kinh-tang nhà chúa kinh-kêu bát giác (*Đại-Việt sử-ký toàn thư*, q. 2, tờ 9 a).

Thế là trong đời Lý Công Uẩn đối với nước Tàu, rất là hòa-hảo, còn về việc ra sai đề phạt các nước nhỏ, và d'ệu võ đề ở trong nước, thì có những việc sau đây :

Rợ Cử-long (tức là huyện Cẩm-lũy, tỉnh Thanh-tóa bây giờ) cậy có địa hiểm, từ Đ'at, Lô trở lại vẫn không chịu phục, đến năm 1011 lại càng hoành-bành. Lý Công Uẩn tự làm tướng thân đem sáu quân đi đánh, bắt được nhiều người đưa đầu xô d'oi về, rợ Cử-long từ bấy giờ mới d'ệt (*Khâm định Việt-sử*, q. 2, tờ 13 a).

Năm Nhâm-tý (1013) người phủ D'ễn-châu làm phản Lý Công Uẩn thân chinh, dẹp được. Quân về đến cửa hồ Biện, mưa gió ối t'ăm, sấm chớp nổi dậy quân-chúng đều sợ chết. Công-Uẩn d'ối lương-khẩn Giới-rằng : « Tôi là người đức m'ong, làm ở trên thần dân, lúc nào cũng vẫn n'om n'óp như sắp ngã xuống vực sâu, có dám cậy binh-cái mà đi đánh h'au d'au :

chỉ vì người phủ D'ễn-châu không theo giáo-hóa, nên bắt d'ắt đi phải đi đánh. Trong khi n'hi lên cơn d'ạn, thế nào cũng bại lấy đến lương-dân, cho nên Hoàng-thiên giận-dữ, d'ể tỏ tội lỗi : tôi tuy bị chết, cũng không ph'ân nan. Nhưng sáu quân võ-d'ội còn có bề tha-thứ àn h'ượng để hồ tâm soi xét » (*Khâm định Việt sử*, q. 2, tờ 15 b) tiếp rằng : « Kể xong, gió mưa tạnh ngay, sấm h'óp thôi t'ần ».

Tức khi ấy người m'án H'ạ-thác đến châu V'ì-long (tức là châu (h'ết n' hóa bây giờ) đổi tr'ác. Công Uẩn sai người đi bắt, được hơn vạn con ngựa. Năm 1018, chức châu-mục châu V'ì-long là Hà-trắc-Tuấn làm phản, phụ theo bọn Mán : Công Uẩn thân h'ành đi đánh Hà Trắc-Tuấn sợ trốn chạy (*Khâm định Việt-sử*, q. 1, tờ 16 b).

Tháng hai năm Ất-m'ao (1015), Hà Trắc-Tuấn lại lấy các châu V'ì-long, Đô-kim (nay là tỉnh Đồ-kim, huyện Hàm-giê, tỉnh Tuyên-quang), T'at'ong-t'ân (nay ở châu) B'ình-nguyên (ở châu V'ì-xuyên tỉnh Tuyên-quang bây giờ) cùng làm phản. Công-Uẩn sai Dực-thánh-vương và Vũ-dức-vương, đi đánh, bắt được Hà-trắc-Tuấn đem về kinh sư, b'ôn d'ầu ở đông-t' (ở d'ôn) (*Khâm định Việt sử*, q. 2, tờ 18 b).

Tháng mười-hai năm canh-thân (1020), Lý Công Uẩn sai Khai-thiên-vương và Đào-thạc-Phụ đem quân đi đánh Ch'ôm-thành ở trại B'ố-chính, (nay là ba huyện Bình-chính, Minh-chính, B'ố-trạch, tỉnh Quảng-b'inh), t'ăng đến núi Long-t'ý (ở địa phận xã (Xem tiếp trang 20)

HAI THẮNG Ở GÒ ÓC-EO

(Tiếp theo trang 13)

ra gò Óc - eo, thì vừa 7 giờ, làm việc cho tới một giờ chiều mới nghỉ. Tối giờ, lính kèn báo hiệu, các cụ-li chẳng 40 người đều sắp hàng để chào cờ rồi mới giải-áo. Về tới nhà hàng đã hơn 2 giờ, ăn uống nghỉ ngơi chút ít, 5 giờ vào ở bên trên các vật đã đạo được trong ngày hôm đó, 7 giờ, chào cờ rồi ăn cơm chiều; 9 giờ rồi kèn báo ở đèn đi ngủ.

Vị-tri của gò Óc-eo

Gò Ó eo thuộc địa-phận làng Mỹ là tức Rạch giá, giáp giới làng Vọng-tê tỉnh Long-xuyên, ở về phía đông-nam núi Ba-thê độ hai cây số. Một cánh đồng bát ngát rợp nhỏ có mấy cái gò cao, nhất là gò Cây-thị, vì có bóng cây, lại cao hơn cả, nên được người ta đem trâu bò lại cột ở đó trông vụ nước lớn hằng năm. Đã vài ba năm nay có một người thợ cấy ở Vọng-thê, nhân khi cấy ruộng, lúc tưới cây bắm vào một vật cứng, người ấy bới ra xem, thì là một pho tượng ở trong một cái khung dài độ 20 phân; khi rửa sạch đất thì ra bằng vàng, người đó đem về nhà để chờ được ít lâu, thì bị kẻ trộm lấy mất. Từ đó người ta đồn đại xôn-xao, rồi kẻ kiếm được vật này,

người lượm được đồ kia, thứ thì bằng vàng, thứ thì bằng ngọc-thạch.

Cứ theo như dân vùng ấy thuật lại, thì trong vài năm nay, họ đã lượm được rất nhiều đồ quý báu, nên cứ đến kỳ nước lớn, thì thiên hạ kéo đến tìm vàng, mỗi ngày có hàng nghìn cá ghê; số người lặn nước mò vàng, có tới vài ba nghìn người; người được trước họ, kẻ được thứ kia, có kẻ mò cát sú lên đãi được những cục vàng như hạt kê hạt đậu. Vì vậy có người một ngày được dăm bảy chục, một trăm; có người không may được năm ba hào đồng bạc, không mấy người phải về tay không. Đến nỗi hàng quà bằng bánh, kẻ bán người mua, những đồ lượm được, đã thành một cái chợ to; ghe thuyền tụ họp rất đông vui. Có cả mấy tiệm vàng bạc ở các nơi, kéo về, nghiêm nhiên mở hàng để mua những vàng mà dân đãi được, họ mua được bạc vàng, rửa vàng, tượng vàng, kèn vàng, nhất vàng, đồ ngọc thạch trạm trổ tinh vi, hạt cườm bằng mã-não, thủy-tinh, toàn đồ quý-vật. Vì thế nên một cánh đồng bề dài độ 4 cây số, bề ngang độ 2 cây rưỡi, đã bị họ đào trằn trụi lổ sào nông, như cánh đồng bị bom đạn phá. Họ đào bởi tư fun, mà chỗ nào cũng được, chẳng cần đến thì ít. Tư-phương đồn đại, người ta lại càng kéo đến nhiều hơn.

Về phương-diện khảo-cổ, đây tôi chưa dám nói đến, xin đề sau này các nhà thông-thái khảo-cứu

CHI NHÁNH VĨNH YÊN của hội Truyền bá quốc ngữ

Tỉnh Vĩnh yên mới thành lập chi nhánh hội Truyền bá quốc ngữ.

Hôm chủ nhật 24-12-44 vừa rồi chi nhánh đã tổ chức một ngày vui rất trọng thể để cử động hội viên và học trò.

Cụ chánh hội trưởng ban trung ương có lời đến thuyết được nhiệt liệt hoan nghênh.

Chi nhánh Vĩnh yên đã bầu ban trị sự-tạ n thời: quan Trương tá Vũ như Trác làm chánh hội trưởng và cụ nguyên đốc học Trần lê Nhân làm phó hội trưởng.

Trong ban trị sự của chi nhánh còn có nhiều bạn thanh niên rất hoạt động và sôi sảng với việc chống nạn thất học. Hiện toàn ban đang hoạt động riết để chóng đi tới kết quả mỹ mãn.

Cũng tới tin rằng chi nhánh Vĩnh yên của hội Truyền bá quốc ngữ sẽ được hàng tỉnh thành toàn tín nhiệm và ủng hộ nhiệt liệt để mau chiếu ánh sáng của hội tới các nơi hoang cùng ngổ bém.

PHẠM-MẠNH-PHAN

tìm tôi, bấy giờ sẽ có sách vở hình-ảnh và đồ bản phác-minh, thì sự nhận xét mới được chu đáo. Đây tôi bày ra lược-cử một vài điều do ông Quán đoán chi dẫn cho hay:

Cứ theo như như ông Mallerei, chánh đoàn Pa-li-hô khảo-cổ, đã tuyên-bố, tất những đồ vật tìm thấy ở vùng Óc-eo này có lẽ thuộc phạm vi của nước Fun-nan (Phù-nam) vào hội thể-lý thứ tư, thứ năm sau T. L.

(Còn nữa)

Biệt-lam TRẦN-HUY-BA.

Cabinet dentaire
DƯƠNG-MINH-ẤP
chirurgien dentiste



Consultations au
8 Avenue Pugnier - HANOI

Tài liệu đề đình chính...

(Tiếp theo trang 9)

mài, trăm lần bỏ) như hoa đã tàn giăng đã khuyết, lại còn muốn trang-diễm làm tân-nhân đề sánh-doi với quân-tử, đối với trong lòng, chẳng tỏ thẹn lắm ru! Làm cái kể của thiếp bây giờ chỉ có trường-trai niệm Phật đề yên-ủi lòng thương của cha mẹ. Nếu chẳng cố kết nhân-tình, xin làm bạn tâm-giao mà thôi. Còn việc ấy thực khó vâng lời». Kim-Trọng cãi rằng: «Hiền-thê nói như thế, lại càng nhảm to. Phàm trình-tiết của người con gái, có khi lấy việc «không thất thân» làm trình-tiết, có khi lấy việc «nhục-thận» làm trình-tiết vì là có lúc thường có lúc biến. Hiền-thê sợ dĩ thân bị nhục, là gặp phải lúc biến, mà làm việc hiếu-cong như hoa sen, tuy bị ở dưới bùn mà không nhuốm. Ngày nay gặp nhau, có thể gọi rằng: «hoa tàn mà lại nở, một giăng đã khuyết mà lại tròn. Hiền-thê lại còn thêm nghị gì, mà nở coi như chàng Tiêu ở giữa đường». Vương-ông Vương-bà đều bảo: «Hiền-tế nói có lý». Thúy-Kiều từ chối không được. Vương-Quan và Thúy-Vân cùng khuyên dỗ.

Thúy-Kiều ngẫm-ngĩ hồi lâu, rồi nói rằng: «Kim-lang đã một lòng thành-thực, mà cha mẹ các em lại một mực nói vụn vào, nếu tôi cứ một mắt chối-từ, thành ra kiêu-tính. Nhưng nghĩ kỹ ra, thì việc-đuốc hoa không dám trái, việc chẵn gói vẫn xin theo, còn đến việc mây mưa Ỗu-gáp, thì thân thiếp đã chẵn-chường, nếu chàng cố ép tức là sỉ thiếp, nhục thiếp đó. Thiếp quyết không dám vâng lời». Kim-Trọng mừng, nói rằng: «Đã được vui hoa-chức, lại cùng gói chẵn-thế là mãn-nguyện rồi, không dám cần gì nữa». Vương-ông Vương-bà bảo hai người cùng lạy giới đất. Lạy xong, cả nhà đưa vào động-phóng để hai người uống rượu hợp-rượu rồi mới lại ra.

(Còn nữa)

Ông-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Xuân TRI-TÂN

(ẤT-DẬU 1945)

Thời tiết tuần hoàn, mỗi năm có một lần xuân.

Theo lẽ tuần hoàn của vũ-trụ, Tri-Tân mỗi năm cũng ra một số xuân đề hiến các bạn đọc thâu-miền một món quà Tết.

Xuân ất-dậu (1945) này, các bạn sẽ thấy những cây bút đứng đũa khắp ba kỳ trên tờ Xuân Tri Tân với những bài rất công-phu về khảo-cứu, nghệ-thuật, và văn chương.

Xin tạm kể mấy mục:

Thơ: Các bà Vân-Đài, Ngân-Giang, Cẩm-Lai, Mộng-Son, Hương-Bình, Tịnh-Dế, cô Mộng-Tuyết, v. v.

Sử học: Ông-Hòe Nguyễn-văn-Tố, Hoa-Bằng, Trúc-Kiên, Biệt-Lam Khuông-Việt, Mẫu-Khánh, Thọ-Xuân, v. v.

Văn học: Tiên-Dàm, Nhật-Nham, Cách-Chi, Khái-sinh, Kiều Thanh-Quốc, Tam Gia, v. v.

**KỊCH NGÂN
CHUYỆN NGÂN
PHÓNG SỰ NGÂN
CHUYỆN NƯỚC NGOÀI**

của

Giản-Chi

Lê Văn Ngón,

Phạm Mạnh-Phan

Nguyễn-Huy-Tường

Phan - Văn - Hùm

MỸ - THUẬT

Hai họa-sĩ Trịnh-Vân Nguyễn Văn-Ty

Giữa lúc thời buổi khó-khăn này, Tri-Tân, rất mong làm hài lòng các bạn đọc trong số Xuân ất-dậu (1945).

Tri-Tân rất hoan-nghehnh những giai-tào ở ngoài gửi đến đề giúp cho số Xuân Tri-Tân càng thêm xuân sắc.

TRI-TÂN

Góp vui

MỘT CUỘC SĂN HÀNG LẬU

Câu chuyện sau đây xảy ra giữa một đêm hè, tại miền thượng-du Bắc kỳ, đến nay lẽ đã được vài năm.

Hồi đó tôi được nghỉ phép hai ngày, lương tư chưa biết nên đi đâu chơi. Chợt nhớ ra rằng tuần lễ trước anh Paul, bạn tôi, có gửi cho tôi một bức thư, mời tôi lên chỗ anh ở để cùng nhau đi săn thú rừng. Trong thư bạn tôi khẩn khoản bảo tôi nên cố mà lên ngay vì không những cuộc săn bắn sẽ được to chữ: chu đáo, có đủ khí giới, vật dụng và kẻ theo hầu, mà lẽ về thú rừng thì miền đó lại càng sẵn lắm.

Đọc đi đọc lại bức thư, tôi không còn ngần ngại nữa. Một mặt đánh giấy thép báo trước một mặt sửa soạn hành lý, ngay hôm sau tôi lên chơi với Paul.

Paul là một viên chức nhà Thương-chính, làm « Chánh-Đoan » coi một đồn nhè trên mạn ngược.

Gặp Paul ở trụ sở, tôi và anh tay bắt mặt mừng, chuyện-trò rất vui-vẻ thân mật. Sau một vài câu chuyện, ông Paul kéo tôi ra một góc, dưới mái hiên, nói nhỏ vào tai tôi, tình như không muốn cho ai, ngoài anh với tôi, biết rõ được những điều sẽ nói. Paul bảo tôi: « Tôi mời anh lên đi săn nhưng hiện nay trên này biến thú rừng lắm, đến phải về không mất thời. Vậy tôi muốn hiến anh một cách tiêu khiển lạ hơn. Một tên chỉ-diền vừa mới bắt báo cho tôi biết

rằng trong đêm hôm nay sẽ có một tội buôn lậu ba đứa, mỗi đứa mang tới sáu cân nhựa đi tắt qua khu rừng gần đây. Nếu anh muốn chúng kiến cuộc săn bắt chúng, mời anh sửa soạn đi theo tôi. Kề ra cũng hay hay ».

Những cuộc gặp gỡ của « Nhà Đoan » và những người buôn lậu giữa khoảng đồn trưởng quăng vắng thường bao giờ cũng bí hiểm gay-gon nên bạn tôi vừa nói dứt, tôi đã vui lòng nhận lời ngay. Sau khi thăm lịch lý, dùng cơm trưa và ngủ một mạch đến bốn giờ chiều, chúng tôi sửa soạn lên đường và bạn tôi bảo trước rằng chắc chắn là suốt đêm hôm nay không một ai trong bọn được chợp mắt.

Đúng năm giờ chiều khởi hành. Chiếc xe hơi của nhà Đoan, một kiểu xe du lịch PEUGEOT có thể đổi thành xe vận tải, có nhiều chỗ ngồi rộng rãi, bắt đầu mở máy chạy. Trên xe có tất cả năm người.

Paul lái xe. Tôi ngồi cạnh anh. Phía sau là ông phó Đoan R..., một người hình đoan và bác tài-xế. Bác tài vì ở đường ngược lậu ngày nên mặc chứng sốt rét ngứa nước lúc đó đang lên cơn sốt, không lái được xe nhưng cũng đi theo chúng tôi để coi xe những khi cần đến.

Tôi đưa mắt nhìn các bạn đồng hành, từ đầu đến chân. Những nhân viên nhà Đoan dự cuộc « viễn

chính » đều gọn gàng trong bộ y phục vải vàng, chân đi dép da màu nâu, đầu đội mũ bọc vải vàng, quần ống dài, bó chặt nơi mắt cá chân, nơi thắt lưng gài súng lục và đeo đèn bấm. Không có một gì là màu trắng.

Tôi hỏi ông R... rằng tại sao không dùng quần cộc cho tiện thì ông trả lời rằng mặc quần cộc thì mất toa quần trùng nhưng lại bị muỗi rừng và vắt đốt.

Các bạn tôi trông có vẻ bình tĩnh, hình như họ coi công việc họ sẽ làm là thường lắm. Họ đã từng thức suốt sáng, họ đã từng gặp những lúc mà tình mạng như nghìn cân treo sợi tóc, nên không một ai trong bọn tỏ vẻ bối rối cảm-động.

Đọc đường, tôi mới biết rằng tội buôn lậu sẽ qua chỗ chúng tôi mai phục vào khoảng từ nửa đêm đến hai giờ sáng. Sở dĩ chúng tôi phải đi sớm để đón đường và phải chờ đợi lâu là vì nếu đến đêm mới đi thì ánh đèn pha ô-tô sẽ làm cho chúng nghi ngờ thành ra hỏng việc.

Chưa từng gặp nguy-hiểm bao giờ, tôi thấy nóng lòng sốt ruột và nhiều lúc tôi tự trách tôi sao lại mua cái khố vào thân mà đi theo họ làm gì...

Xe chạy trên đường, giữa hai bên đồi núi có cây cao bóng mát, cỏ mọc rậm rạp. Tiếng máy kêu đều đều, êm, dài như du ngủ. Sau

khí chạy được sáu mươi cây số, xe bỗng dừng máy bên một chiếc cầu nhỏ xây bằng xi-măng. Mọi người cùng xuống. Bác tài lúc đó đã hết vơn sốt, lên ngồi cầm tay lái. Paul bảo bác quay xe, một mình trở lại, đánh xe vào một làng gần đấy độ mười hai cây số mà đợi chúng tôi.

Chiếc xe quay mũi. Tôi nhìn theo xe chạy cho đến khi khuất, trong dạ bằng phẳng như nhớ tiếc...

Paul dẫn cả bọn chúng tôi đi xuống mé gầm cầu. Cầu bắc qua một cái lạch nhỏ. Lũn đó vào khoảng sáu giờ rưỡi chiều Trời đẹp lắm, bình như cũng tựa chúng tôi.

Sau lời đề - nghị của ông Phó Đoan R... cả bọn chúng tôi súm nhau lại khiêng một đoạn thân cây rỗng rỗng gần đấy, đem đặt xuống dưới chân cầu để làm ghế ngồi vì những vũng nước đọng dưới gầm cầu khiến cho không tài nào đứng lâu nơi bùn lầy được.

Chúng tôi giờ hánh ra ăn nhưng không quên cất nhau mỗi người ra xem một lúc để dò xét động tĩnh và đề phòng sự bất trắc.

Bốn bề lặng ngắt như tờ. Người lính đoan báo trước cho chúng tôi biết có người lạ qua đây. Một bác tiểu phu một mình bước chậm trên chiếc cầu nhỏ. Nhưng bước chân nặng nề kéo lê trên sàn xi-măng khiến chúng tôi thấy thời-giờ kéo dài, một phút xem bằng một thế-kỷ. Chính bác tiểu phu chắt phắc cũng không ngờ rằng dưới chân bác, có những ai.

Đợi đã gần được một giờ mà vẫn chưa thấy động. Một vài người trong bọn tôi bị muỗi đốt đang cầu nhả, rồi lại im ngay.

Rồi đêm đến, giới bắt đầu đổ mưa. Trước cơn mưa nhỏ, sau mưa như trút, mưa to như đổ công nước, không thể tưởng tượng được. Dưới cầu, nước trong lạch bắt đầu dâng, mỗi lúc một cao, cuốn mạnh những cành cây khô, những xác chuột chết và không biết bao nhiêu thứ gì khác nữa.

Đêm tối dầy đặc bao phủ mọi vật. Mưa vẫn mỗi lúc một to. Không một ai trong cả bọn tôi lộ răng, lặn vẩn.

Che mãi đến khi mặt nước dâng lên tới ngực, drone như sắp lờ cuồn cuộn tới đi, chúng tôi mới chịu rời chỗ đứng mà ngoài người ra bắt chặt lấy mô đất nơi đầu cầu, trông về phía tụi buôn lậu sắp tới mà rình đợi trong khi dưới chân nước vẫn ào ào chảy sệt. Thời - giờ qua, đợi đến hai giờ rưỡi sáng bỗng qua những hạt mưa mau, chúng tôi nhận thấy một điểm sáng nhỏ li ti liếc về phía chúng tôi. Một hiệu còi khẽ báo cho chúng tôi biết rằng ông Phó Đoan R... và người lính đoan cũng đã trông thấy rồi.

Paul bảo nhỏ tôi: «Đừng im nhỏ, đi h rồi, chúng nó đến đây». Rồi chúng tôi yên lặng mà đợi, mắt dán vào cái điểm sáng, trong khi trống ngực đồ hồi. Chúng tôi không khác gì những ác thú rình mồi.

Đột ngột một cái, Paul, ông R... và người lính đoan đã nhảy vọt lên trên cầu, bấm đèn điện, ánh chiếu sáng lóa và tôi được mục kích một cảnh tượng mà có lẽ không bao giờ tôi quên được.

Hai phe: «nhà đoan» và «buôn lậu» đang hỗn chiến dưới trời

mưa, giữa ánh sáng chói lọi của mấy ngọn đèn bấm.

Tôi đứng ngây người ra mà nhìn. Rồi tôi thấy Paul dấn vào hàm một tên buôn lậu, dấn mạnh đến nỗi tên đó ngã lăn xuống bùn, văng ra xa đến ba bốn thước. Vì dùng sức quá mạnh nên Paul trượt chân cũng ngã sà ra nốt. Ông R... chạy vội ra phía tên bị Paul đánh ngã mà bắt chặt lấy nó!

Paul nhồm dậy, rồi dấn về phía ông R... Tôi rợn tóc gáy khi thấy tên buôn lậu bị ông R... ôm chặt đang dùng sức khi để định hoát tháo. Nằm dài dưới đất tên đó luồn dưới, bụng ông R... một lưỡi dao găm sáng loáng dài tới bốn mươi phân.

Paul nhảy sỏ về phía ông Phó đoan R..., vật cả tay tên cướp g-bạo mà đoạt lấy khí giới.

Mưa đã tạnh Paul và người lính đoan dượt theo hai tên buôn lậu khác, nhưng chúng đã nh nhẹn mà lủi thoát qua rừng. Lúc lúc đầu đến lúc cuối, cuộc hỗn chiến không đầy nửa phút.

Tên buôn lậu bị bắt là một tên Khá-h cao lớn. Khá-h người không có gì, nhưng khi lần đến những túi trong áo gi lê thì thấy ước chừng tới sáu cây tây nửa thước phiên chưa nấu, đặc sền-sệt, màu nâu sẫm, tiết ra một thứ mùi nặng, làm cho ai nấy đều lợm giọng nhất là lúc đó chúng tôi lại mệt và đói.

Ông Phó - Đoan R... lấy café đựng trong bầu nước ra mời mọi người. Chúng tôi tu từng hớp cà-phê, rất ngon lành khoan khoái. Paul lấy thuốc lá ra cho cả bọn cùng hút. Có một điều mà tôi lấy làm ngạc nhiên là ông R... cho cả tên «tù-binh» của chúng tôi

được uống vài hớp café, nhấp một ít rượu mạnh và hút điếu thuốc lá.

Ông R... bảo tôi: « Ấy tính tôi cứ thích đối đã từ tổ với tại buồn-lậu sau khi chúng bị thất cơ. Thường lắm khi vì thế mà tôi thu được những tên chỉ điểm lãnh nghề. »

Chúng tôi đi bộ mười hai cây số để đến chỗ đề xe - hei, ai nấy đều mừng cho chúng đến nơi vì ở vùng này dân chúng có nhiều kẻ a-dua với tại buồn lậu thường hay tìm cả bả đánh tháo cho chúng. Họ không ưa gì nhà Doan.

Nhập thấy chiếc xe PEUGEOT đỗ trước một hàng cơm dầu làng, cả bọn chú ý tôi đều reo mừng sung sướng.

Tôi chú ý áo, đem bọc cho khô và cùng cả bọn đồng hành, chúng tôi nống nước chè nóng pha đường cho lại sức...

Ngay chiều hôm xảy ra cuộc hỗn chiến, khi Paul và tôi bước vào Cầu lạ - bộ nơi tỉnh - lý, một cô rất xinh tươi nhẹ nhàng âu-yếm trách Paul sao hôm trước không cùng đi với cô xem một người biểu diễn « quỷ - thuật ». Đạn tôi trả lời một cách rất tự nhiên: « Hôm qua tôi bận có tí việc sớ. »

Bạn việc sớ! Đánh nhau nguy hiểm như thế, đợi chờ vất vả như thế mà chỉ nói gọn thơn - lộn là « việc sớ », thật là quá dở...

Và từ đây, gần những viên chức ấy, tôi cảm thấy trên đời này vẫn còn có những người hiền nhiệm-vụ, không quan đến tính mệnh trong khi làm phận sự mà không cần cho một ai biết, một ai hay.

Georges BORVEL

(Nguyên văn đăng ở báo Hanoi
Sơ ngày 3-10-42 Bản dịch của
NGUYỄN HUYỀN TỈNH)

BIA VĂN MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 106

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TO

Bài văn bia khắc tên các ông tiến-sĩ khoa Mậu-dần (1518) năm thứ ba hiệu Quang-thiệu đời Lê Chiêu tông (Quang-thiệu tam niên, mậu - dân khoa, tiến-sĩ đề danh kỷ) dĩ b nghĩa như sau này :

« Đặt khoa thi để lấy học - trò, là phép sẵn của đế-vương làm cho trong nước được trị; dùng người hiền không cứ một lối, là đạo trung dung, xưa nay không d - dịch. Tôi từng xét nghiệm rằng: Dùng vào quốc-chính nhà Hạ, đều là quan cũ vua Ngu; kén vào vương-dinh nhà Thương, đều là thần-lieu vua Hạ; làm tướng giữ cương cõi ở triều-dinh nhà Chu, là những kẻ sĩ nhà Ân; được làm tể phụ ở nhà Tống, đều là cựu-thân hậu-Chu. Vậy thì cái phép lấy học-trò ở nhà Ngu nhà Chu là đúng mực, đến nhà Triệu Tống thì thịnh-hành, mà cái đạo trung-dụng dùng người hiền không cứ một lối, đời xưa đã có, lại thấy ở ngày nay.

« Thánh-triều ta, lồng-lộng mở vận, thánh thánh giỏi truyền. Thái-thượng-hoàng (từ Mạc Đăng-Dung) vàng mệnh giới có nước, đầu đặt khoa thi để lấy học trò. Thánh thiên-tử (Mạc Đăng - Doanh) tôn nho trọng đạo, sửa-sang học-biểu để nuò hiền tài. Chế-độ đời mới hết, quy mô rất rộng xa. Sai quan hưu-ty, kiểm xem các khoa thi triều trước, về việc khắc tên các ông tiến-sĩ, khoa nào đã có bia mà vỡ hoặc sứt mẻ, thì dựng bia lại; khoa nào chưa có bia, mà nên khắc bia, thì dựng nổi; rồi sai từ-

thần chia nhau soạn văn bia, đề tôn trọng đạo nho là đạo đáng trọng, mà làm đủ những việc đời trước chưa đủ, rất là thận - ý. Tôi làm dự thi - tụng, giữ việc văn bút, kính cần xét uên - triền từ năm nhâm tuất (1442) là năm thứ ba hiệu Đại-bảo (Lê Trà tông) mở khoa thi, hoặc sáu năm một lần thi, hoặc năm năm một lần thi, chưa có lệ nhất định. Từ khoa quý-vị (1463) năm thứ tư hiệu Quang-thuận Lê Thánh-tông) trở về sau, mới định ba năm một kỳ thi, cùng với hội-đền nhà M nh, đều lấy năm tỵ, ngọ, mão, dậu làm thi hương, năm thìn, tuất, sửu, mùi làm thi hội. Duy năm thứ ba hiệu Quang-thiệu là năm mậu-dần mà có khoa, là vì năm thứ hai chính là khoa đình - sửu, nhưng lúc ấy có việc (1) đến năm sau (1518) mới cử hành, treo bảng thi học-trò, được mười bảy người đỗ: ba ông đệ nhất giáp, tiến-sĩ cập-độ, là bọn Ngô-miến-Thiệu, sáu ông đệ nhị giáp, tiến-sĩ xuất thân là bọn Lai - kim - Bổng, tám ông đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân là bọn Nguyễn-Độ, hiện nay (1536) đều làm quan ở triều-dinh, dần dần đại dụng. Có người giúp vào chính-sự lễ, nhạc, binh, có người giúp vào chức chân tay tai mắt, có người kiểm quán-các, giúp việc thuyền hành (cầm cán này mực), có người ngồi ở liệt-khanh giữ việc can ngăn, có người phò oai chính ở nơi

phương-diện, có người cầm khuôn-phép ở ngoài đài. Ở 1 tiền-sĩ khoa này, sau khi bằng vàng treo tên, đến nay đã hai mươi năm, mới được khắc lên vào bia đá, được ơn vua phần - sức vẻ - vang, bổng - lệ xác-đáng, hầu lấy gì để báo đáp, tất phải cùng nhau gằng - gồ, bết lòng trung - thành, như gương lau bụi, như gương mài sáng tiết hiền như cột gạch, nứt-rẻng như đá mài, kni - khải lỗi - lạc, thanh - danh lấy-lừng, làm vên ngọc mọc, làm tròn vàng sống, làm thuốc đàn sa rất báu, để chớng đỡ hoàng-giá, đặt thiên - hạ vào chỗ yên như thái sơn bàn - thạch. Nếu vậy thì đá này tên ấy, nặng đàng muôn cân, càng lâu mà càng không thấy mòn, không thối, thì ngoài ngọc trong đá, danh với thực không in nhau, đời sau sẽ trở vào bia đá mà nghĩ ngợi! Tại sao? Danh là kẻ ách của sự thực, sự thực là chủ của danh; có danh (có thực, thì sự thực còn mãi danh càng trong; có danh không thực thì sự thực không còn, mà danh sẽ nhẹ đi. Tôi xin lấy câu ấy để khuyên người có tên khắc trên bia đá này, và tự khuyên mình.

« Còn như các quan đề-độ độc - quyền, giám - thí, chức tước và họ tên, khắc cả ở sau bia. Tôi kính cầu viết bài lý này.

« Chức đặc - tiến kim - tử vinh - lộc đại - phu, Lễ bộ thượng - thư, kiêm đồng các đại học - sĩ, Đạo - xuyên bá trụ quốc, là Nguyễn - tri-Thái phụng soạn. — Tuồng-chương đại - phu, trong thư giám cao - tự tự - chúa khánh là Vũ (không rõ tên) phụng thư Thông-chương đại - phu, kim - quang - môn đãi-chiếu, tư-chính khánh, là Nguyễn (không rõ tên) phụng triện.

« Bia dựng mồng năm tháng giêng năm thứ 7 hiệu Đại chính (1536) đời Mạc Đăng-Doanh. »

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Năm định-sử (1517) chính là gần khoa thi hội, nhưng năm ấy có việc Nguyễn-Hoảng-Dụ đánh nhau với Trịnh Tuy ở Thăng-long, nên đến năm sau là năm mậu-dần (1518) mới mở kỳ thi, về việc Nguyễn-Hoảng-Dụ với Trịnh Tuy đánh nhau, Khâm-định Việt-sử (q 2, ở 35 a-b chép như sau đây :

« Nguyên năm trước (1516) Nguyễn-Hoảng-Dụ (trước An-hòa hầu và Trịnh-Tuy (trước Vĩnh-hưng-hải) lại theo mệnh-lệnh vua Lê Chiêu - ông đi đánh gác (Trần-Ca), đến khi về kinh Thăng-long, bị nữ-ông tử-tể gièm-pha, thành ra hai bên thù-nhị-hận, Nguyễn-Hoảng-Dụ thác bệnh không vào chầu, đóng quân ở phương Đông-giá (thuộc huyện Th - xươg Hà-nội), Trịnh-Tuy thì đóng quân ở ngoài thành Đông-la (tức Hà-nội bây giờ), hai bên chống-cự nhau, như khoa đài là Nguyễn-Quan - hiêu vua nghe, vua khuyên giải không được, Nguyễn-văn Lữ là T - h - lý - Đại-hẹn nhau cùng vào cầu, để tâu sớ giảng hòa. Khi vào đến trước bệ rồng, Nguyễn-văn Lữ lấy tờ mật sớ ở trong tay to ra, trong sớ tâu rằng : « Trịnh-Tuy và Trịnh-duy-Đạt mưu tập con Nguyễn - Trịnh là Nguyễn-Phạm làm ngụy - chủ, phạm điều đại-nghịch ». Vua cho bắt bọn Trịnh-duy-Hai và bọn Trịnh-bá Quát, đem chém hết cả. Ngày hôm ấy Nguyễn-Hoảng-Dụ kéo quân đánh Trịnh-Tuy ở địa phận phương Khúc-phổ và phương Phục-cổ đều thuộc huyện Thọ-xương tỉnh Hà-nội), ba trận đánh mà không được. Đứng của Trịnh-Tuy là Nguyễn-Thế-Phổ bị trúng mũi tên, phải lui, Trịnh-Tuy phải chạy, Nguyên-trần-Chân là người quen của Trịnh-Tuy đã lâu, nên Chân cũng đem quân đến đánh Hoảng-Dụ để giúp Trịnh-Tuy, lại mật dụ những tử-đô ở các dinh Sơn-tây về để cùng đánh. Hoảng-Dụ phải chạy về Thanh-hoa. Khi Hoảng-

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 15)

Thuần - chất, huyện Bình-chính, tỉnh - Quảng-Binh), sớm được tướng Chiêm là Bồ-linh tại trận, người Chiêm chết mất quá nửa (Khâm - định Việt - sử, q. 2, tờ 22 a).

Đến năm 1022, Mãn Đại nguyên lịch (ở khoảng giữa trại Như-bồng và trấn Tráo - đưng) quấy nhiễu ngoài biên, vua Lý sai Dự-thần-vương đi đánh quan quân ta vượt sang ở nhà Tống, đến trại Như-bồng, đốt cả kho dự rồi về (Khâm - định Việt - sử, q 2, tờ 23 a b).

Năm 1024, vua Lý sai Khai-thôn-vương là Phạm-mã đi đánh châu Phong Kha quốc - vương là Bồ-đi đánh châu Đô-kim (Khâm - định Việt sử q 2, tờ 21 a).

Tháng mười một năm 1026, Khai-thôn-vương đi đánh Diễn-châu

Đến tháng tám năm sau (1027) sai Khai-thôn-vương Phạm-mã đi đánh châu Thất-nguyên (nay là huyện Thất-khê). Đồng-ranh-vương tên Lữ đi đánh châu Văn (nay là châu Văn-piên thuộc tỉnh Lạng-sơn) (Khâm-dịnh Việt - sử, q. 2, tờ 25 a b).

Lý Công-Uân đánh bắc dẹp nam, dương-oai diệu vô Ơ sa như nước Chập-lạp (từ Cao-mên bây giờ) sang cống bốn lần (Khâm-dịnh Việt sử, q. 2, tờ 15 a).

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Dụ cùng Trần-Chân đánh nhau đang say, vừa lúc giới gần tối, thế mà có mây ngũ sắc hiện ở phương đông và mây vàng bay trên khắp giới, cháng đều lấy làm quái dị.

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tống An-Tư công-chúa
vua Thoát-Hoan, đặng thư quốc nan đã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mất thân

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Số 22

An Tư bỗng có một hồi tâm can đảm. Nàng tâu :

— Quan gia không nên quá ưu phiền vì việc ấy. Nước ta nay mang một cái thảm họa có một không hai. Từ vua Eth dân, người nào cũng đáng lo nghĩ, cốt sao tuyết thù rửa hận, đuổi quân tàn ngược ra ngoài bờ cõi. Tôi đây nghĩ mình là phận nữ nhi, không giúp được non sông trong muôn một vẫn lấy làm tự sỉ; nay được dịp trả nợ non sông, dầu có thiệt thòi, nhưng cũng không oán thoán, chẳng qua là làm trọn phận sự một người. Khi quốc biến đó thôi. Tôi nhận lấy việc này, trăm đau nghìn nhọc cũng không oán ngại.

— Công-chúa nghĩ thế thực có hơn người, nhưng nghĩ đến kẻ đi người ở, sao đành lòng được

Thượng-hoàng cũng nói :

— Cốt như phân ly, anh những mong được thay cha mẹ, đứng chầu bên em, à! ngờ.

Ngài chợt muốn khóc. An Tư cũng khóc: đêm hôm qua, trong bóng đèn mờ, nàng không nhận rõ nét mặt Thượng hoàng. Ánh sáng mặt trời hôm nay mới lộ những đường rạn đau đớn và đôi mắt sưng vọt có lẽ vì khóc nhiều. Nàng nói :

— Xìu Thượng hoàng bớt thương cảm cho. Tình anh thương em, em đã rõ em đi đâu có thiệt thòi, nhưng cứu được 10 vạn sinh linh, thì dù thất thân cũng giặc, em cũng đành lòng, không oán hận.

Nàng chào Thượng-hoàng, vua Thiệu-bảo, Chiêu-văn vương, bước xuống bến. Hưng-dạo vương bước lại. Nàng cúi đầu kính chào trước mặt người cầm vận - mệnh của non sông Đại-Việt lúc ấy :

— Tôi xin từ biệt Đại-Vương.

Hưng-dạo nói :

— Tôi đã nghe kể chuyện về Công-chúa. Công-chúa thực là bậc nữ trung hào kiệt, thực là đáng khen lắm. Công-chúa đi phen này tức là lập công đầu vậy. Tướng sĩ cũng sắp theo ra, việc khôi phục cội gian nan, nhưng tôi đã nắm chắc cái thắng trong tay. Công-chúa đợi quan quân; hai tháng nữa, tôi sẽ lại cầm cờ nước lên kỳ đài mới nghe.

— Tôi xin một lòng chờ đợi quan quân. Tôi xin chúc Đại-vươngcheng thu phục được giang san. Tôi chắc Đại-vương đã thừa mưu đuổi giặc. Lúc này quân sĩ có lẽ tình thương cảm; xin có nhời thăm tạ và xin gửi nhời Đại-vương

chức quan quân hai chữ tình tiền, chớng tấu khúc khải hoàn.

— Xin vâng nhời Công-chúa.

Nàng đã ra trước bến. Mọi người cùng tiễn theo nàng. An Tư nói :

— Thôi, xin Thượng - hoàng, Quan-gia, hoàng huynh và liệt-vị về cho. Thế này đã là quá hậu.

Thượng-hoàng nói :

— Anh sai gia tướng của Quốc-công là Yết Kiêu hộ vệ em vượt bến ra Bắc. Yết Kiêu là một thủy tướng, thì việc đi bề không có điều chi quân ngại nữa.

Ngài lại lên tiếng gọi :

— Yết Kiêu tướng quân đâu?

Một tráng sĩ, râu thưa, vóc nhón, nhô ra trước mũi một chiếc thuyền :

— Xin rước Công - chúa xuống thuyền.

Nàng vô cùng chán nản. Những nghĩ nói can đảm của nàng lúc này chỉ là cái vỏ ngoài che đậy một nỗi bi thương rất lớn. An-Tư trông trước trông sau: Tình Thanh-hóa quá phũ-phàng đã xảy nàng ra khi nàng tìm đến đây làm chốn yên thân sau những ngày sống giặc. Nàng bất giác thở dài ngao ngán và ngẩn ngai.

Đang sau nàng, xa xa là cả một đạo quân anh dũng, với vẻ mặt buồn tênh, đang nhìn cả về phía nàng. Nàng quay lại nhìn họ một hồi lâu, cái đầu chào họ, một lần cuối cùng. Quan quân bần tẩn :

— Thăm hơn Thái-tử Đan và tâu khách tiễn Kinh Kha!

Chợt họ hồi tưởng đến câu thơ « Việt vương » mà họ thường ngâm những giờ tuyết chiều. Liền tưởng nghĩ đến Tây Thi: Việc ngày nay sao mà phù hợp với việc ngày xưa đến thế; sự tình đã phù hợp thì kết cục cũng phải giống nhau.

Trong lúc tiễn đưa Công-chúa, họ phăng phất như thấy ngày đạo quân của Đại vương hùng hổ tiến vào cửa Ngọ môn kinh thành Thăng long, cứu Công-chúa ra khỏi cái lầu mà nàng đang mơ màng giấc đẹp, trong khi quân Thuyết Hoan chạy như vỡ tổ khắp nơi không thành hàng ngũ.

An Tư chợt thấy Chiêu - thành vương bên cạnh. Nàng đã đưa mắt tìm chàng nhưng từ lúc ra tới bến, chàng không biết đã biến đi đâu. Nàng đang bấn loạn tại bất gặp đôi mắt đầy dục vọng và bất mạp của người yêu.

Nàng run run hỏi, giọng trầm trầm và sè-sè của một tân nhân:

— Vương đi đâu từ lúc này? Tôi thương Vương lắm. Không biết tôi đối ta có gặp được nhau nữa không.

Wương cảm thấy biết bao nhiêu buồn trong lời người ngọc. Chàng nói:

— Công-chúa đừng nói gở. Nếu ra, ta sẽ gặp nhau. Công-chúa đợi tôi ở Thăng-long không được sai hẹn. Nhấn nhẹ mà chờ, con trai họ Trần đã can đảm, thì con gái họ Trần cũng phải biết kiên tâm.

Mặt nàng, vẫn một mây buồn. An Tư nói:

— Vương ở lại nhé. Tôi đi. Nàng khóc suốt-muốt, rã rượi, nước mắt nhiều như nước mắt chức-nữ biệt Ngưu-lang. Thương hoàng và mọi người đều ngậm ngùi. Ngai chớp mừng than.

— Khốn nạn, sớm hôm qua đến Thanh-hóa, làm hồ được gặp anh, tưởng được tái ngộ, ai ngờ? Tôi - nghiệp cho em gái trăm cô ai hay nó lại vô duyên đến thế!

An Tư cúi đầu chào mọi người một lần nữa.

— Công chúa đi nhé!

Tiếng nói nhao nhao. Nàng bước xuống thuyền. Không còn lời sức nữa, tra vào đến cá lâu lịch sự của thuyền rồng, nàng đã ra ra trong nước mắt. Từ nữ xúm lại lay gọi nàng.

Thuyền đã ra khỏi. Nàng nòm qua cửa sổ về phía bến Thanh vẫn thấy hình dáng những người thân đứng đấy trông theo. Trống sấm, đứng biệt ra một mồm đá ăn dài ra bèo nhất, là tráng sĩ thân yêu của nàng, Chiêu - thành vương, mà nàng không nhận rõ về buồn, vì thuyền đã xa, chàng im lặng, thanh kiếm bên mình, và chiếc bảo đồ, gió đánh bạt sang một phía.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUONG

Cùng các bạn xuất bản ở Bắc-hạ

Công việc làm tổng đại lý và phát hành đã tổ chức xong. Xin thành thực cảm ả các nhà đã hưởng ứng và ủng hộ.

Hàng vạn cuốn sách sẽ xuống thuyền để trôi đến những bến bờ mong ước.

Chúng tôi muốn kính mời tất cả các bạn xuất bản cùng hội họp một hôm tại Hanoi để bàn định và thỏa thuận với nhau về giá sách và hoa hồng.

Mong rằng các bạn xuất bản sẽ hưởng ứng lời thỉnh cầu của chúng tôi và xin cho biết ngay ý kiến. (gặp hội họp ở định sau) (1)

Nay kính đại

PHAN KHẮC KHOAN

(Viện sách Quốc Hương)

Địa chỉ hiện thời: C O Aslat Clementau Nam Định — Ở Hanoi xin giao dịch với nhà xuất bản HÀN-MẠC (25 Hàng Quạt Hanoi)

(2) Xin các bạn xuất bản miễn phí nên chúng tôi không thể gửi thư riêng đến từng nhà một (vì không biết rõ hết các địa chỉ)

Phải đọc **THỦY-HỮ** bản dịch của Trần-Tuấn Khải
để biết qua giá-trị của tiểu-thuyết Tàu
Trọn bộ 10 tập — Giữ nguyên giá 3\$00 ở Bắc-kỳ và 5\$50 ở xứ ngoài
ĐÃ CÓ BÁN THỦY-HỮ SỐ 2

NHÀ XUẤT BẢN ANH HOA

69 Hàng Than — Văn phòng 115 Henri d'Orléans — Hanoi